

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

(Căn cứ Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trên Cổng điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10/01/2026)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900986272, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp lần đầu ngày 02/02/2016, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 13/01/2026)

Địa chỉ trụ sở chính:	Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại:	+84 24 6279 7000
Website	nongnghiep.hoaphat.com.vn
Vốn điều lệ đã góp tại ngày 13/1/2026	2.850.000.000.000 đồng

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Phạm Thị Hồng Vân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 24 6279 7000

MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1.	Thông tin chung về Công ty	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	6
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	10
5.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty	15
6.	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất	19
7.	Hoạt động kinh doanh	21
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	43
9.	Vị thế của Công ty trong ngành	46
10.	Chính sách đối với người lao động	51
11.	Chính sách cổ tức	54
12.	Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất	54
13.	Tài sản cố định	63
14.	Các dự án của Công ty	65
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	65
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	67
17.	Chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển	69
18.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty	71
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	72
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	72
2.	Ban kiểm sát	76
3.	Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	78
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	81
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	81
6.	Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định	90
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	90
IV.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG	91

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Tên tiếng Anh	: HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HPA
Biểu tượng của Công ty	: 
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0900986272, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp lần đầu ngày 02/02/2016, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/01/2026
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại	: +84 24 6279 7000
Fax	: Không
Website	: nongnghiep.hoaphat.com.vn
Vốn điều lệ	: 2.850.000.000.000 VNĐ (Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 2.850.000.000.000 VNĐ (Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ đồng)
Ngành nghề kinh doanh chính	: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Chăn nuôi bò; Chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng; Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc và gia cầm
Người đại diện theo pháp luật	: Phạm Thị Hồng Vân (Tổng Giám đốc)
Ngành nghề đăng ký kinh doanh chi tiết bao gồm:	

Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
2	4312	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)

3	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
4	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ hoạt động kiến trúc)
5	0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Trồng lúa mỳ; Lúa mạch; Cao lương; Kê. (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, và chế biến, xử lý các loại cây trồng này, bao gồm cả các chế phẩm từ chúng)
6	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
7	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
8	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
9	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
10	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
11	0145 (Chính)	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)

12	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
13	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
14	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)
15	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
16	4632	Bán buôn thực phẩm (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
17	3830	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)
18	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
19	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ các mặt hàng bị cấm theo quy định của pháp luật);
20	4722	Bán lẻ thực phẩm (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các

		hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
21	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
22	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác
23	0146	Chăn nuôi gia cầm (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
24	0149	Chăn nuôi khác (Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng) (Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)
25	8210	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát được thành lập vào ngày 02/02/2016 tại Hưng Yên, Việt Nam bởi Tập đoàn Hòa Phát. Tập đoàn Hòa Phát đặt mục tiêu góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiện đại tại Việt Nam, đồng thời đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm tối ưu cho người tiêu dùng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò, chăn nuôi gia cầm, và sản xuất các sản phẩm thức ăn chăn nuôi đa dạng. Với nền tảng từ Tập đoàn Hòa Phát, Công ty kế thừa kinh nghiệm sản xuất theo chuỗi và hệ thống quản trị minh bạch. Sau 10 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển, mở rộng sản phẩm, mạng lưới sản xuất theo chuỗi khép kín, khẳng định uy tín và vị thế trong ngành.

Bảng 2: Quá trình hình thành và phát triển

Năm	Cột mốc quan trọng
2015	Tập đoàn Hòa Phát ra mắt Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên, đánh dấu bước phát triển đầu tiên của Tập đoàn vào lĩnh vực nông nghiệp.
2016	02/02/2016: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát thành lập, quản lý và chi phối tất cả hoạt động các Công ty trong nhóm nông nghiệp bao gồm chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi. 26/05/2016: Lô lợn giống đầu tiên của Hòa Phát trong mảng chăn nuôi đã từ Đan Mạch về sân bay Nội Bài.

Năm	Cột mốc quan trọng
	Hoàn thành trang trại chăn nuôi bò Úc công nghệ cao tại Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ) và Đồng Nai với quy mô mỗi trại 10.000 con/lứa. 01/09/2016: Lứa bò Úc đầu tiên được nhập về trang trại chăn nuôi Việt Hùng tại Hưng Yên. 09/12/2016: Khánh thành máy thức ăn chăn nuôi tại Hưng Yên với công suất 300.000 tấn/năm.
2017	07/03/2017: Vốn điều lệ được tăng lên 3.100.000.000.000 đồng. Hoàn thành Nhà máy TACN Đồng Nai (300.000 tấn/năm), nâng tổng công suất TACN lên 600.000 tấn/năm. Nhập lô gà giống siêu trứng Hyline Brown đầu tiên từ Anh.
2018	Lứa lợn giống và lợn thịt thương phẩm đầu tiên xuất chuồng từ hệ thống trang trại của Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hòa Phát.
2019 – 2020	Hoàn thành trang trại gia cầm tại Phú Thọ (quy mô 1,2 triệu gà mái, sản lượng ~300 triệu trứng/năm).
2021 – 2022	Mở rộng hệ thống trang trại lợn tại Hưng Yên, Lào Cai, Bắc Ninh, Phú Thọ và Đồng Nai; nâng đàn nái giống lên ~25.000 con, toàn bộ giống nhập từ Đan Mạch.
2023	Gia cầm Hòa Phát lần đầu vượt mốc 300 triệu trứng/năm Ra mắt sản phẩm trứng gà vô hồng “Hòa Phát Smile”
2024	Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần lần 1, với tổng giá trị hoàn trả là 300.000.000.000 đồng.
2025	Đánh dấu cột mốc 10 năm hoạt động, HPA đã đạt được những thành tựu đáng kể: Trở thành một trong những nhà cung cấp thịt bò Úc lớn nhất Việt Nam; Dẫn đầu về sản lượng trứng gà sạch tại khu vực miền Bắc; Xây dựng hệ thống trang trại chăn nuôi heo hiện đại, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần lần 2, với tổng giá trị hoàn trả là 250.000.000.000 đồng. Ngày 06/01/2026: Hoàn thành việc chào bán 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng Ngày 08/01/2026: Công ty nhận được công văn số 163/UBCK-QLCB về việc chấp thuận kết quả chào bán lần đầu ra công chúng của Công ty Ngày 10/01/2026: Công ty nhận được công văn số 237/UBCK-QLCB về việc xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

- Ngày Công ty nhận được Giấy phép đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên thay đổi về Vốn điều lệ: 13/01/2026

-
- Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại 17/01/2026:
 - Vốn điều lệ: 2.850.000.000.000 đồng
 - Số lượng cổ đông: 965 cổ đông
 - Cơ cấu cổ đông: 964 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ.

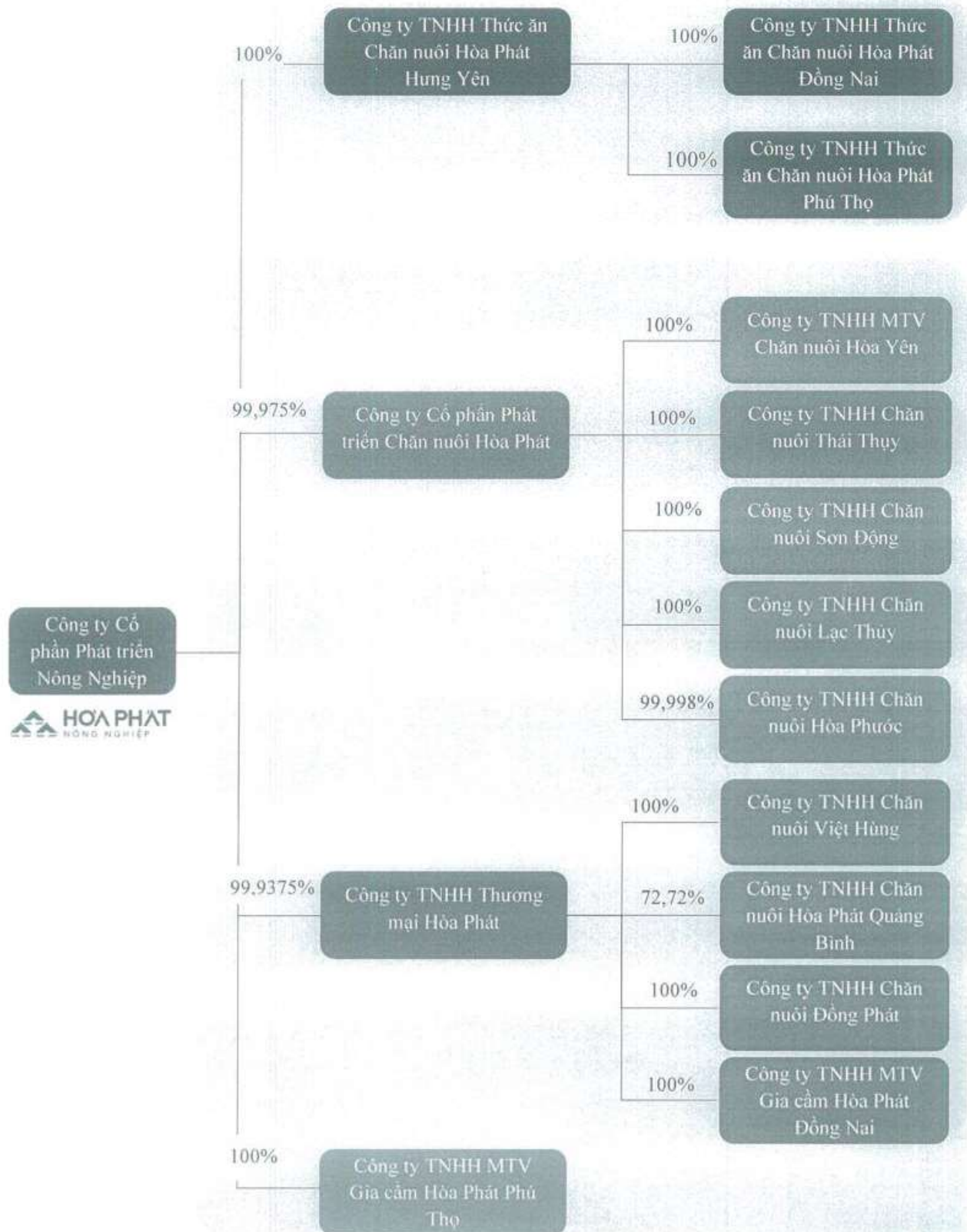
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát và công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tại thời điểm 30/09/2025, Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát có 15 công ty thành viên trong hệ sinh thái này.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát ở thời điểm 30/09/2025, cụ thể như sơ đồ bên dưới:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

==
24
04
14
14

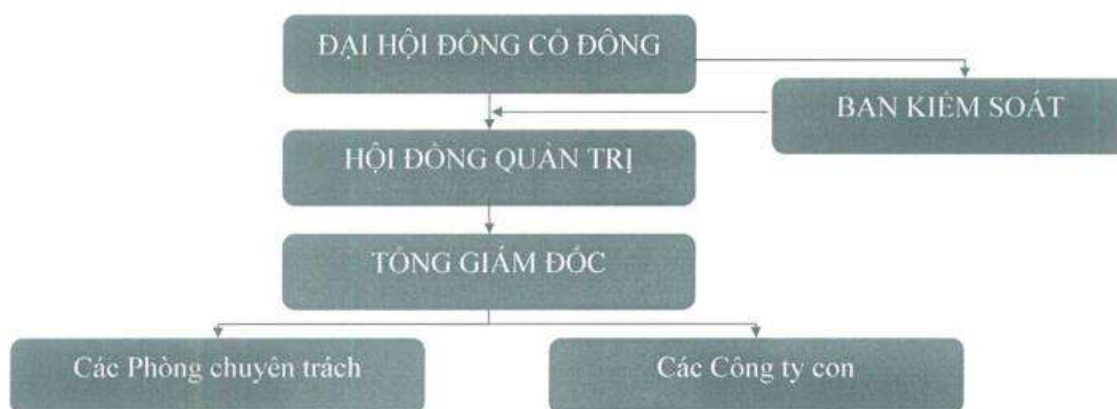


Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi năm 2025. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:

Hình 1: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quy định trong Điều lệ Công ty;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HĐQT của Công ty hiện có 03 thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh, giao dịch bảo đảm khác, bồi thường và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do HĐQT bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

- j. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty do Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- s. Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- t. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch với bên liên quan thuộc thẩm quyền quy định trong Điều lệ Công ty;
- u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

4.3. Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát (BKS) là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS của Công ty hiện gồm 3 thành viên, bao gồm 01 trưởng BKS và 02 thành viên BKS. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.4. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của TGD là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

- a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, bao gồm cả việc sử dụng Quỹ Khen thưởng phúc lợi, Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng ban điều hành, và các quỹ khác do ĐHĐCĐ quyết định mức trích hàng năm;
- b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- c. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, quyết định các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Quyết định ban hành quy chế, quy định trong hoạt động điều hành liên quan đến công tác tổ chức, tài chính, kiểm soát, pháp lý, nhân sự và các quy chế, quy định khác cần thiết cho việc vận hành.

- f. Quyết định tuyển dụng, mức lương, trợ cấp, lợi ích, xử lý kỷ luật và các vấn đề khác của người lao động làm việc tại Công ty;
- g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- k. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh, bồi thường và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- l. Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó.
- m. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và pháp luật.
- n. Quyết định các chế độ khen thưởng, phúc lợi và các chế độ khác áp dụng chung cho toàn Công ty.
- o. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.5. Phòng kế toán

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác xây dựng, vận hành, quản trị hoạt động tài chính, kế toán của HPA và các công ty thành viên; tham mưu, giúp việc cho TGD quản lý, điều hành công tác đào tạo, hướng dẫn chính sách chế độ mới về tài chính kế toán cho các công ty thành viên.

4.6. Phòng kiểm soát pháp chế

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, TGD về mặt pháp lý, chỉ đạo và điều hành hoạt động về các vấn đề tư vấn pháp luật; pháp chế nội bộ; tư vấn hợp đồng; tư vấn giải quyết tranh chấp; kiểm soát, giám sát tính tuân thủ trong các hoạt động; cập nhật, phổ biến, đào tạo pháp lý.

4.7. Phòng tổ chức hành chính

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, TGD trong công tác hành chính, nhân sự. Phòng tổ chức hành chính có nhiệm vụ xử lý các công tác văn thư – lưu trữ, lễ tân, các công việc liên quan đến tiền lương, bảo hiểm, thi đua khen thưởng cho cán bộ nhân viên Công ty; đào tạo quản trị nguồn nhân lực của Công ty.

4.8. Phòng quan hệ cổ đông

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, TGD trong các công việc liên quan tới cổ đông, cũng như công tác đối ngoại, truyền thông báo chí.

5. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Tại thời điểm thành lập ngày 02/02/2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 4 đợt thay đổi vốn điều lệ (không bao gồm góp vốn thành lập) nhằm mục đích mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Vốn điều lệ hiện nay là 2.850.000.000.000 đồng (hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ đồng), tương ứng 285.000.000 cổ phần. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 3: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	VDL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	VDL tăng/giảm thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp phép
Thành Lập: 2016	2.500.000	2.500.000	Góp vốn thành lập Công ty	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0900986272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02/02/2016	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Thay đổi lần 1: 2017	3.100.000	600.000	Phát hành thêm 60.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng chào bán cho các cổ đông hiện hữu	Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 03/QĐ – PTNNHP, ngày 28 tháng 2 năm 2017	Đại hội đồng cổ đông
				Giấy chứng nhận ĐKDN số 0900986272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 07/03/2017	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên

Thay đổi lần 2; 2024	2.800.000	(300.000)	Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông trong Công ty	Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/QĐ – ĐHĐCĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024 Giấy chứng nhận ĐKDN số 0900986272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 13/05/2024	Đại hội đồng cổ đông Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Thay đổi lần 3; 2025	2.550.000	(250.000)	Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông trong Công ty	Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 05/2025/QĐ – ĐHĐCĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025 Giấy chứng nhận ĐKDN số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 09/06/2025	Đại hội đồng cổ đông Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên
Thay đổi lần 4; 2026	2.850.000	300.000	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng	- NQ ĐHĐCĐ số 13/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/09/2025 - QĐ HĐQT số 05/2025/QĐ-HĐQT ngày 11/09/2025 - QĐ HĐQT 07/2025/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2025 - QĐ HĐQT số 08/2025/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2025 - QĐ HĐQT số 02/2026/QĐ-	Đại hội đồng cổ đông Hội Đồng Quản Trị

				HĐQT ngày 06/01/2026	
				Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Tài chính Hưng Yên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/01/2026	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Chi tiết quá trình tăng và giảm vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm thành lập đến nay:

Góp vốn thành lập

- Vốn điều lệ đăng ký: 2.500.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông góp vốn/cổ đông sáng lập: 3
- Ngày bắt đầu góp vốn: 02/02/2016
- Ngày hoàn thành góp vốn (*): 09/11/2019
- Cơ sở pháp lý: - Quyết định số 03/NQHP-2016 ngày 28/01/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát về việc thông qua việc góp vốn thành lập Công ty nông nghiệp quản lý hoạt động chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi - Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp Hòa Phát
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 02/02/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

Tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 2.500.000.000.000 đồng lên 3.100.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 2, ngày 07 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

- Vốn điều lệ trước phát hành: 2.500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 3.100.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 60.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 600.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 3
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 3
- Thời điểm bắt đầu tăng: 07/03/2017
- Thời điểm hoàn thành tăng (**): 09/11/2019
- Cơ sở pháp lý: - Quyết định của ĐHCĐ số 03/QĐ-PTNNHP của Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 2, ngày 07 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh

Hưng Yên) cấp

(*) Ngày hoàn thành đợt góp vốn thành lập Công ty kéo dài từ ngày 02/02/2016 đến ngày 09/11/2019.

(**) Ngày hoàn thành đợt tăng vốn lần 1 của Công ty kéo dài từ ngày 07/03/2017 đến ngày 09/11/2019.

Tại ngày 09/11/2019, vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông thực góp là 3.100 tỷ đồng.

Nguyên nhân: Việc thực hiện góp vốn của các cổ đông của Công ty bị kéo dài thời gian do Công ty thay đổi kế hoạch tăng vốn cho các Công ty con của Công ty bao gồm Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước, Công ty TNHH MTV Thương mại và sản xuất thức ăn chăn nuôi (nay là Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên), Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hòa Phát, Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát, Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (nay là Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai), Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát. Việc thực hiện góp vốn vào các Công ty con được Công ty thực hiện theo tình hình thực tế triển khai các dự án đầu tư do đó Công ty thực hiện tăng vốn rải rác trong khoản thời gian từ ngày 02/02/2016 đến 02/10/2017.

Đến ngày 02/10/2017, Các cổ đông của Công ty đã thực hiện góp vốn tổng cộng 2.879,85 tỷ đồng. Đến ngày 09/11/2019, các cổ đông của Công ty đã thực hiện góp vốn đủ 3.100 tỷ đồng theo đăng ký kinh doanh. Công ty đã tạm hoãn việc tăng thêm 220 tỷ đồng do kế hoạch đầu tư 300 tỷ đồng của Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi (nay là Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên) về việc thành lập nhà máy thức ăn chăn nuôi tại Phú Thọ bị chậm tiến độ. Dự án này sau đó không thực hiện được vì các nguyên nhân khách quan đến từ thị trường thức ăn chăn nuôi và việc chậm bàn giao mặt bằng sạch từ Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ. Theo tình hình thực tế nêu trên, đến thời điểm góp vốn từng giai đoạn, Công ty chưa phát sinh nhu cầu phải sử dụng vốn nên việc thực hiện góp vốn đủ của các cổ đông bị tạm hoãn lại đến ngày 09/11/2019.

Giảm vốn lần 1: Giảm vốn từ 3.100.000.000.000 đồng xuống 2.800.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 6, ngày 13 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

- Vốn điều lệ trước khi giảm: 3.100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi giảm: 2.800.000.000.000 đồng
- Thời điểm thay đổi vốn: 02/05/2024
- Hình thức giảm vốn điều lệ: Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty bằng tiền Việt Nam đồng.
- Số lượng cổ đông trước khi giảm vốn điều lệ: 3
- Số lượng cổ đông sau khi giảm vốn điều lệ: 3
- Cơ sở pháp lý: - Quyết định của ĐHĐCĐ số 02/2024/QĐ-ĐHĐCĐ của Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 6, ngày 13 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

Giảm vốn lần 2: Giảm vốn từ 2.800.000.000.000 đồng xuống 2.550.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 9, ngày 09 tháng 06 năm 2025 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

- Vốn điều lệ trước khi giảm: 2.800.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi giảm: 2.550.000.000.000 đồng
- Thời điểm thay đổi vốn: 28/05/2025
- Hình thức giảm vốn điều lệ: Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty bằng tiền Việt Nam đồng.
- Số lượng cổ đông trước khi giảm vốn điều lệ: 3
- Số lượng cổ đông sau khi giảm vốn điều lệ: 3
- Cơ sở pháp lý: - Quyết định của ĐHĐCĐ số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ của Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 9, ngày 09 tháng 06 năm 2025 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp

Tăng vốn lần 2: Tăng vốn từ 2.550.000.000.000 đồng lên 2.850.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11, ngày 13 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp

- Vốn điều lệ trước khi tăng: 2.550.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 2.850.000.000.000 đồng
- Thời điểm thay đổi vốn: 13/01/2026
- Hình thức tăng vốn điều lệ: Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 30.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 41.900 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 1.257.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn điều lệ: 66
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn điều lệ: 965
- Cơ sở pháp lý: - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty
- Quyết định HĐQT số 05/2025/QĐ-HĐQT của Công ty
- Quyết định HĐQT số 07/2025/QĐ-HĐQT của Công ty
- Quyết định HĐQT số 08/2025/QĐ-HĐQT của Công ty
- Quyết định HĐQT số 02/2026/QĐ-HĐQT của Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11, ngày 13 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 17/01/2026

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông lớn	1	240.926.782	84,536%
	-Trong nước	1	240.926.782	84,536%
	-Nước ngoài	-	-	0%
2	Cổ đông trong nước không phải cổ đông lớn	954	40.758.609	14,301%
	- Cá nhân	951	25.717.579	9,024%
	- Tổ chức	3	15.041.030	5,278%
3	Cổ đông nước ngoài không phải cổ đông lớn	10	3.314.609	1,163%
	- Cá nhân	3	3.104	0,001%
	- Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	7	3.311.505	1,162%
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	0%
TỔNG CỘNG (1+2+3)		965	285.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/01/2026 của Công ty

Tại ngày 17/01/2026, danh sách cổ đông lớn là tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Năm thành lập	2001
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0900189284 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp lần đầu ngày 26/10/2001, thay đổi lần 38 ngày 11/8/2025
Địa chỉ trụ sở	Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Vốn điều lệ (31/12/2025)	76.754.658.550.000 đồng
Người đại diện pháp luật	Ông Nguyễn Việt Thắng (Tổng Giám đốc)
Người đại diện vốn tại HPA theo uỷ quyền	Ông Nguyễn Việt Thắng (Tổng Giám đốc) đại diện cho 240.926.782 cổ phần, tương đương với 84,536% số cổ phần có quyền biểu quyết tại HPA

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác

và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0900986272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính Hưng Yên) cấp lần đầu ngày 02/02/2016, cấp thay lần thứ 11 ngày 13/1/2026, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

7.1.1. Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đang sản xuất và kinh doanh 4 mảng: thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò, chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng.

a. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc và gia cầm:

Hiện tại, Công ty có 2 thương hiệu thức ăn chăn nuôi là HPFeed gồm 75 loại sản phẩm và BigBoss gồm 75 loại sản phẩm thức ăn cho gia súc và gia cầm ở các giai đoạn sinh trưởng và phát triển khác nhau. Thức ăn cho mỗi thương hiệu bao gồm:

- Thức ăn cho lợn: bao gồm các loại thức ăn cho lợn con, lợn thịt và lợn nái
- Thức ăn cho gà: bao gồm các loại thức ăn cho gà thịt, gà vỗ béo và gà đẻ trứng
- Thức ăn cho vịt: bao gồm các loại thức ăn cho vịt thịt và vịt đẻ
- Thức ăn cho bò: bao gồm các loại thức ăn cho bò thịt và bò sữa
- Thức ăn cho chim cút: bao gồm các loại thức ăn cho chim cút hậu bị và chim cút đẻ
- Thức ăn cho dê

Công ty có 2 nhà máy đang trong vận hành tại tỉnh Hưng Yên và Đồng Nai, tổng công suất đạt 600.000 tấn/năm, trong đó:

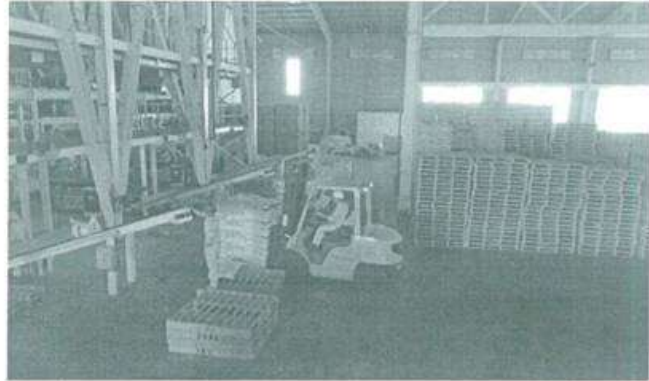
Bảng 5: Nhà máy thức ăn chăn nuôi

STT	Thông tin nhà máy	Địa điểm	Diện tích	Công suất
1	Nhà máy TACN Hoà Phát Hưng Yên	Khu công nghiệp Phố Nối A - Hưng Yên	4.5ha	300.000 tấn/năm
2	Nhà máy TACN Hoà Phát Đồng Nai	Khu công nghiệp Long Khánh - Đồng Nai	5ha	300.000 tấn/năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

11
T
Ấ
P
I
N
Ả
N

Hình ảnh nhà máy TACN Hoà Phát Hưng Yên



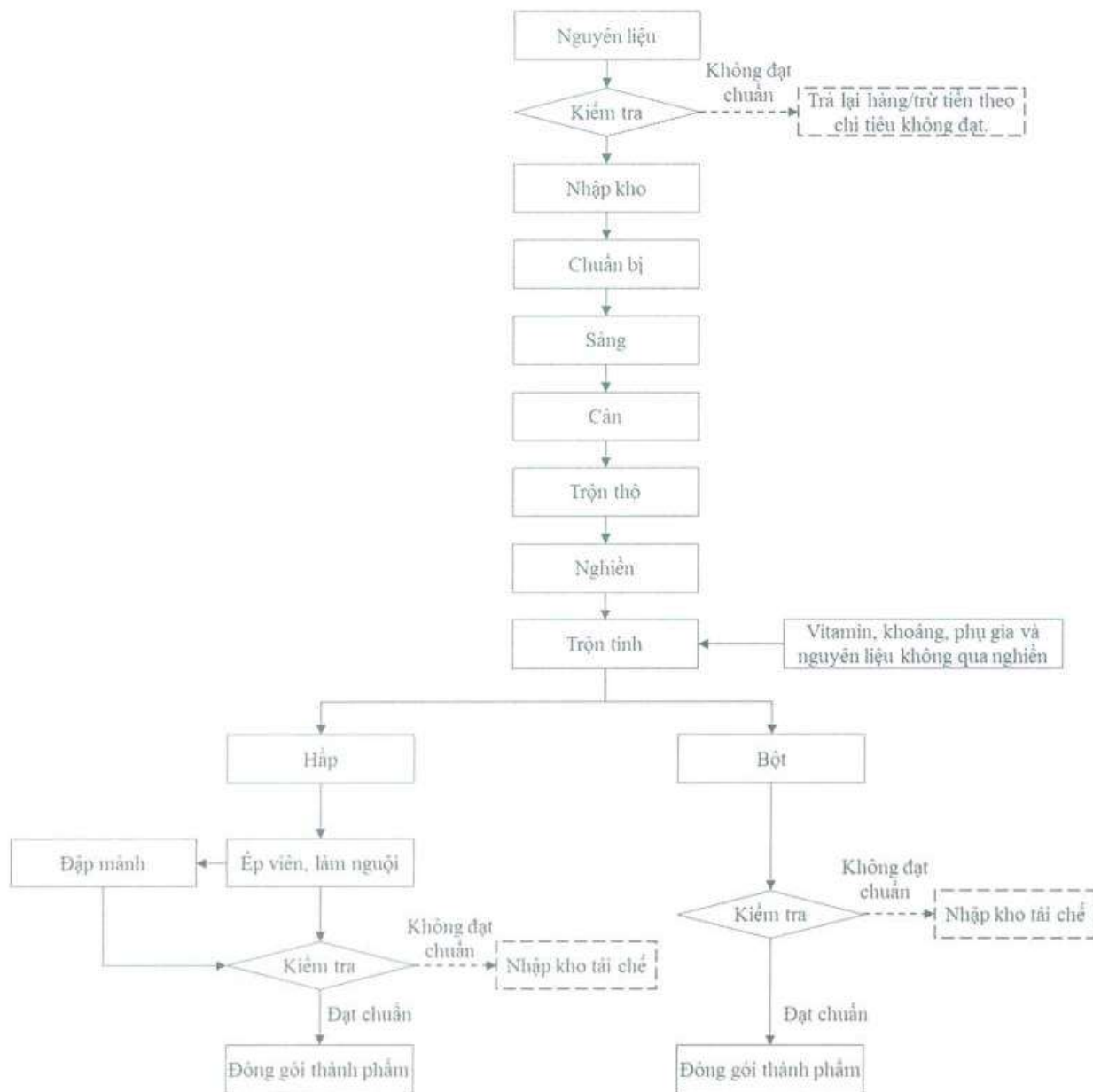
Hình ảnh nhà máy TACN Hoà Phát Đồng Nai



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Lưu đồ quy trình sản xuất tại nhà máy TACN Hoà Phát Hưng Yên



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

b. Chăn nuôi lợn:

Công ty đang chăn nuôi 3 loại lợn bao gồm:

- Lợn hậu bị Hoà Phát: Lợn hậu bị Hoà Phát là dòng lợn được lai tạo từ con giống Landrace và Yorkshire thuần chủng xuất xứ Đan Mạch. Dòng lợn này chuyên dùng làm con nái để sản xuất lợn thương phẩm. Khối lượng xuất bán: 80 - 95 kg ở 21 tuần tuổi.
- Lợn giống 3M thương phẩm: Được lai tạo và thừa hưởng ưu thế từ 3 giống lợn Landrace, Yorkshire và Duroc, cho lợi thế đặc biệt về sức sinh trưởng, chất lượng thịt thương phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Khối lượng xuất bán: 7 - 12kg ở 6 đến 7 tuần tuổi.
- Lợn thịt 3M Hoà Phát: Được lai tạo và mang điểm nổi trội của 3 giống lợn Landrace, Yorkshire và Duroc, chăn nuôi quy trình kỹ thuật khép kín tiên tiến nhất hiện nay, đạt

chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP. Khối lượng xuất bán: 115 - 120kg ở 23 tuần tuổi.

Công ty hiện sở hữu hệ thống trang trại nuôi lợn tại các tỉnh như Lào Cai, Bắc Ninh, Hưng Yên, Đồng Nai, Hà Nội và Hải Phòng, chi tiết hơn:

Bảng 6: Trang trại chăn nuôi lợn

STT	Thông tin trại	Địa điểm	Diện tích	Quy mô trang trại		Công suất xuất chuồng/năm
				Lợn nái	Lợn thịt	
1	Trang trại lợn Hoà Phát Yên Bái	Khe Lụa - Lương Thịnh - Trấn Yên - Lào Cai	44,2 ha	1.250 con	9.000 con	36.000 con/năm
2	Trang trại lợn Hoà Phát Bắc Giang	Long Sơn - Sơn Động - Bắc Ninh	91,1 ha	5.000 con	18.000 con	137.000 Con/năm
3	Trang trại lợn Hoà Phát Thái Bình	Lễ Cù - Thụy Duyệt - Thái Thụy - Hưng Yên	40,2ha	3.750 con	18.000 con	104.500 con/năm
4	Trang trại lợn Hoà Phát Hoà Bình	Suối Tép - Đồng Tâm - Lạc Thủy - Phú Thọ	41,2ha	1.250 con	9.000 con	36.000 con/năm
5	Trang trại lợn Hoà Phát Long Hà 1	Bù Ka 2 - Long Hà - Phú Riềng - Đồng Nai	56,1ha	6.000 con	11.700 con	210.000 con/năm
6	Trang trại lợn Hoà Phát Long Hà 2	Bù Ka 2 - Long Hà - Phú Riềng - Đồng Nai	29,1ha	0 con	46.800 con	
7	Trang trại lợn Hoà Phát Minh Đức	Minh Đức - Hớn Quản - Đồng Nai	86ha	6.000 con	33.500 con	132.700 con/năm

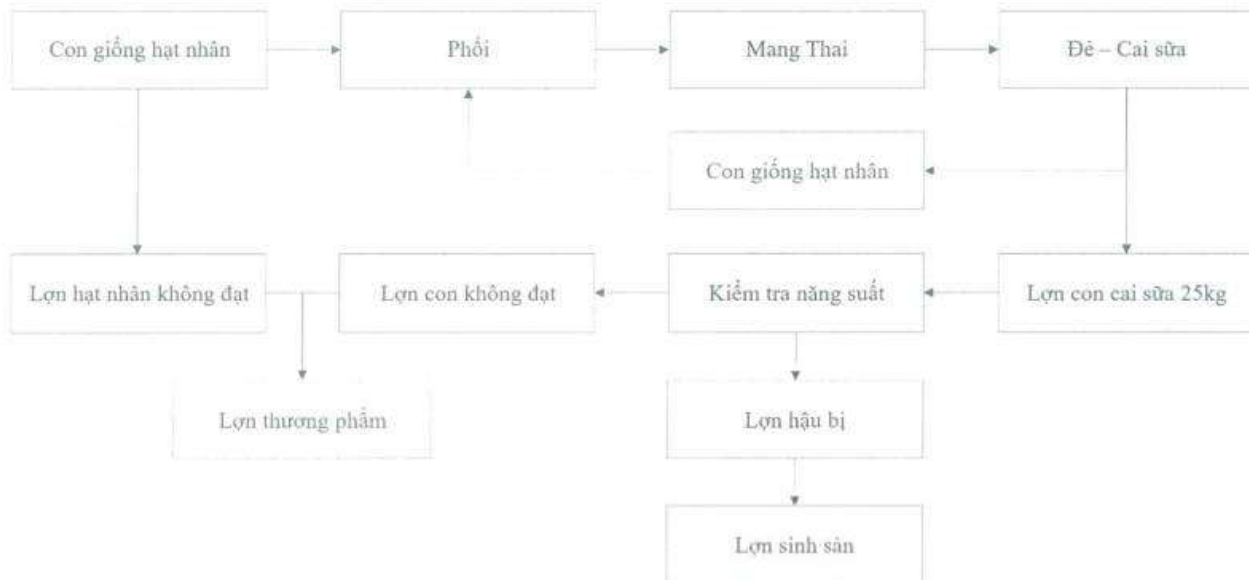
Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

Lưu đồ quy trình chăn nuôi lợn tại trại của HPA

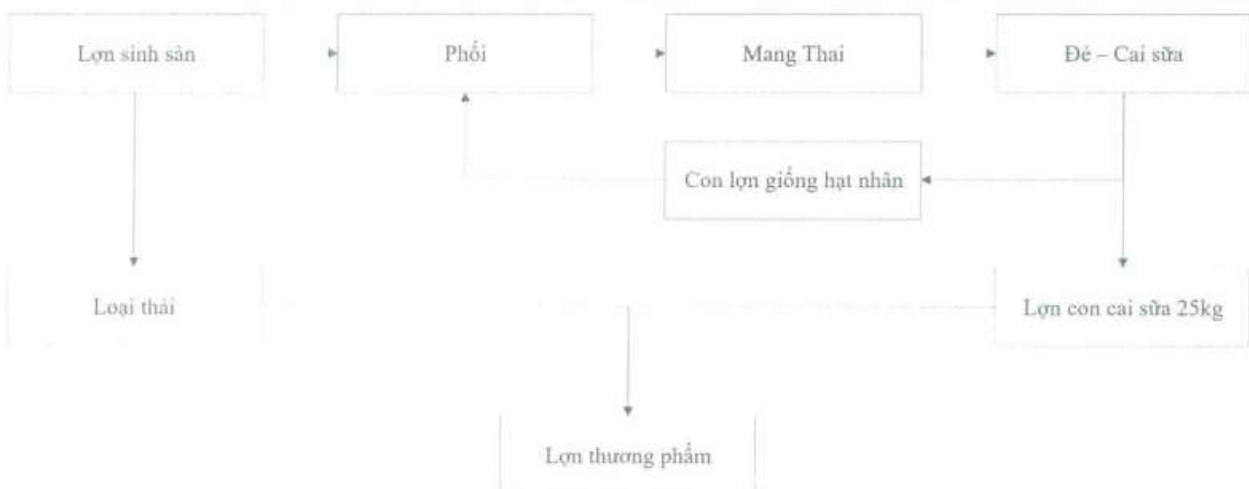
Trại lợn giống nhập



Trại hạt nhân



Trại sinh sản



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

Hình ảnh trang trại lợn Hoà Phát Long Hà



Hình ảnh trang trại lợn Hoà Phát Thái Thụy



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

c. Chăn nuôi bò:

Công ty đang chăn nuôi 5 loại bò được nhập khẩu từ các nhà cung cấp uy tín từ Úc bao gồm:

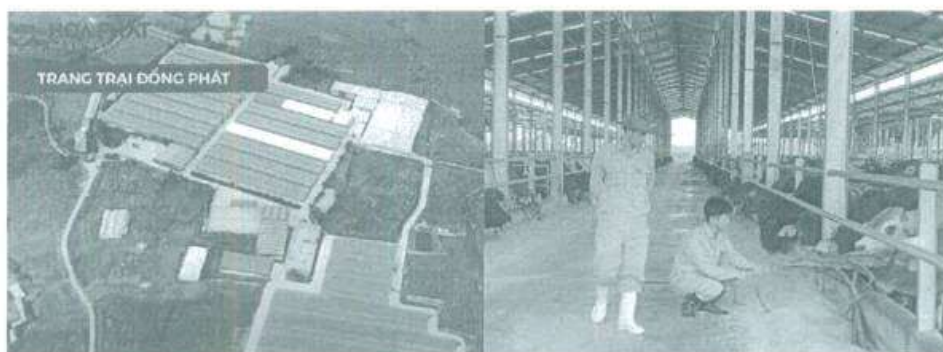
- Brahman
- Charolai
- Angus
- Droughmaster
- Shorthorn

Công ty hiện sở hữu hệ thống trang trại nuôi bò tại các tỉnh Hưng Yên, Quảng Trị và Đồng Nai, chi tiết hơn:

Bảng 7: Trang trại chăn nuôi bò

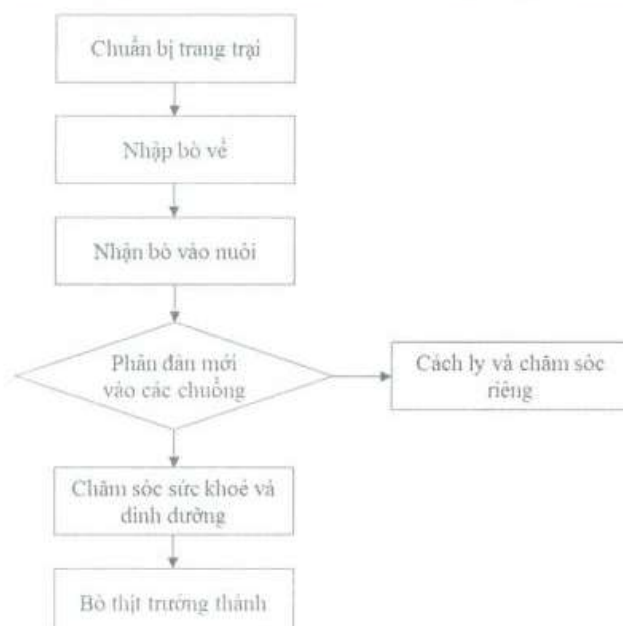
STT	Thông tin trại	Địa điểm	Diện tích	Quy mô trang trại	Công suất/năm
1	Trang trại bò Việt Hùng	Hưng Hà - Hưng Yên	14 ha	10.000 con/lứa	35.000 con/năm
2	Trang trại bò Hoà Phát Quảng Bình	Bố Trạch - Quảng Trị	40 ha trang trại + 550 ha trồng trọt	20.000 con/lứa	70.000 con/năm
3	Trang trại bò Đồng Phát	Cẩm Mỹ - Đồng Nai	21 ha	12.500 con/lứa	45.000 con/năm

Hình ảnh trang trại bò Đồng Phát



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

Lưu đồ quy trình chăn nuôi bò Úc tại trại của HPA



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

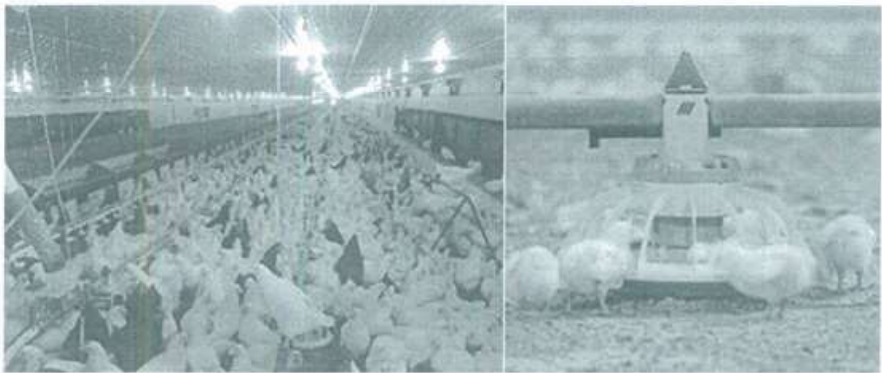
d. Chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng:

Công ty thực hiện các dự án chăn nuôi gà đẻ trứng giống và sản xuất trứng gà sạch với trang trại chăn nuôi gà công nghệ cao, quy mô lớn hàng đầu Việt Nam tại tỉnh Phú Thọ, gồm:

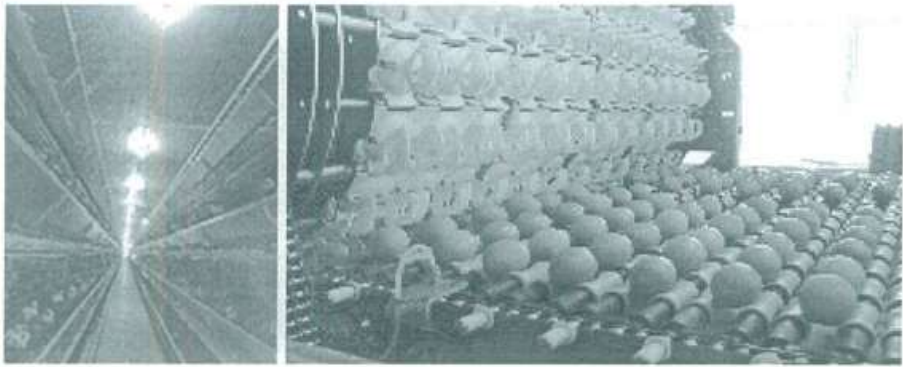
Bảng 8: Trang trại chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng

STT	Thông tin trại	Địa chỉ	Diện tích	Năng lực sản xuất/Quy mô trang trại	Công suất/năm
1	Trang trại gà giống	Cẩm Khê - Phú Thọ	10 ha	15.000 con gà giống/năm	1.500.000 gà đẻ thương phẩm/năm
2	Trang trại gà đẻ trứng thương phẩm	Đồng Lương - Phú Thọ	40 ha	1.200.000 con gà mái đẻ/năm	336 triệu trứng/năm

Hình ảnh trang trại gà giống

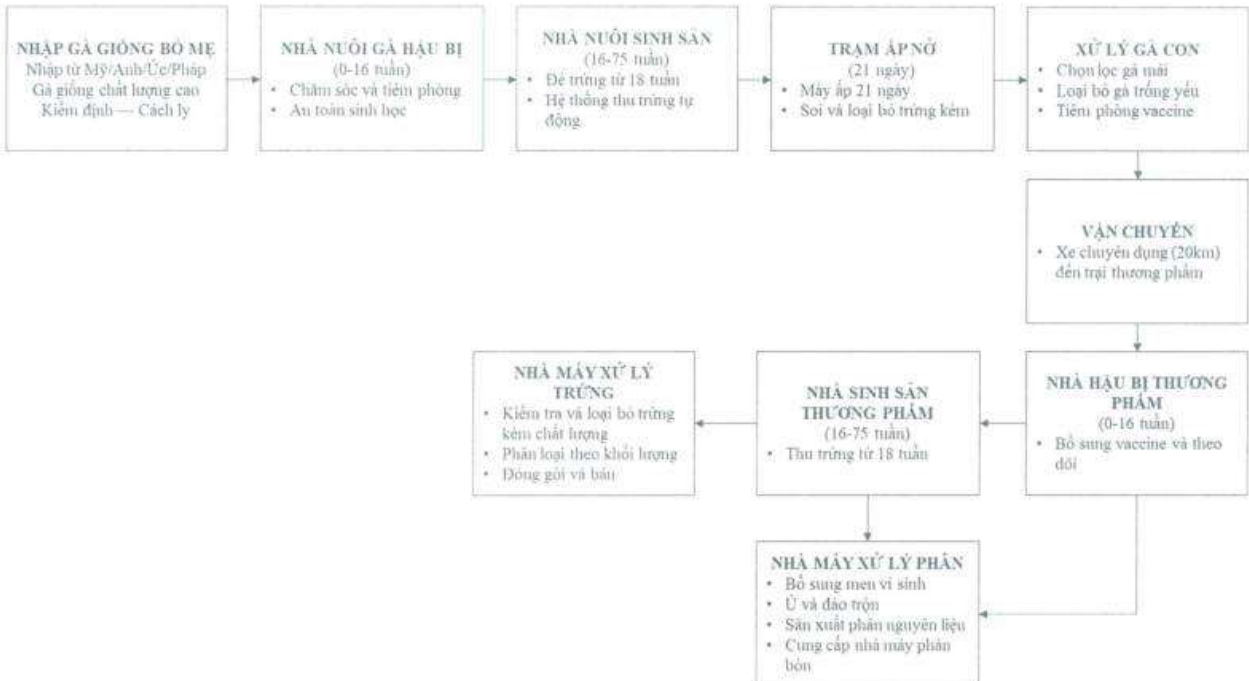


Hình ảnh trang trại gà đẻ trứng thương phẩm



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

Lưu đồ quy trình chăn nuôi và sản xuất trứng của HPA



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

7.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

CTCP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi với chăn nuôi gia súc và gia cầm. Đây là lĩnh vực đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, gắn liền trực tiếp với nhu cầu mua sắm, tiêu dùng và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.

7.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Bảng 9: Sản lượng bán ra ngoài của Công ty (Hợp nhất)

TT	Sản phẩm—Dịch vụ	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
1	Tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi	Tấn	323.546	339.225	273.441
1.1	Thức ăn cho lợn	Tấn	223.101	244.297	208.787
1.2	Thức ăn cho gia cầm	Tấn	96.248	92.275	61.813
1.3	Thức ăn cho bò & dê	Tấn	1.802	2.238	1.420
1.4	Thức ăn chăn nuôi khác	Tấn	2.394	415	1.421
2	Lợn thương phẩm	Con	357.515	364.901	321.114
3	Lợn giống thương phẩm	Con	86.057	198.566	217.673
4	Bò Úc	Con	22.060	27.745	30.317
5	Gà mái 1 ngày tuổi	Con	47.242	312.038	332.750
6	Trứng gà	Triệu quả	311,12	334,8	250,9

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

Doanh thu thuần chăn nuôi của Công ty trong giai đoạn 2023-Q3/2025 chủ yếu đến từ chăn nuôi lợn (chiếm 37–46% tổng doanh thu thuần) và chăn nuôi bò (18–22% tổng doanh thu thuần). Trong 9 tháng đầu năm 2025, chăn nuôi lợn tiếp tục giữ vai trò chủ lực với gần 2,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 46% tổng doanh thu thuần, phản ánh nhu cầu tiêu thụ thịt lợn cao và quy mô trang trại ngày càng mở rộng.

Doanh thu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2025 ghi nhận 1.477 tỷ đồng, chiếm gần 24% tổng doanh thu thuần, cho thấy vai trò ổn định của mảng thức ăn chăn nuôi trong cơ cấu doanh thu.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.933.238	31,4%	1.883.835	27,3%	1.477.741	23,6%	(2,6%)
Chăn nuôi lợn	2.313.425	37,6%	3.054.152	44,2%	2.876.961	46,0%	32,0%
Chăn nuôi bò	1.169.600	19,0%	1.260.306	18,2%	1.377.130	22,0%	7,8%
Chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng	737.194	12,0%	710.281	10,3%	527.304	8,4%	(3,7%)
Tổng cộng	6.153.456	100,0%	6.908.573	100,0%	6.259.136	100%	12,3%

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Bảng 11: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Giá trị Năm 2023	Giá trị Năm 2024	Giá trị 9 tháng đầu năm 2025	% Tăng / (giảm) 2024-2023
Sản xuất thức ăn chăn nuôi	539.509	531.493	489.804	(1,5%)
Chăn nuôi lợn	113,335	857.998	1.052.356	657,0%
Chăn nuôi bò	(113.614)	53.043	91.217	Không áp dụng
Chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng	4.493	19.705	56.431	338,5%
Tổng cộng	543.722	1.462.239	1.689.808	168,9%

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Trong giai đoạn 2023 đến 9 tháng 2025, lợi nhuận gộp của Công ty tăng trưởng mạnh nhờ mảng chăn nuôi lợn, từ 113 tỷ đồng năm 2023 lên gần 858 tỷ đồng năm 2024 (tăng 657%) và đạt hơn 1.698 tỷ đồng trong 9 tháng 2025, trở thành động lực chính. Mảng chăn nuôi bò cải thiện rõ rệt khi chuyển từ lỗ 114 tỷ đồng năm 2023 sang có lãi 53 tỷ đồng năm 2024 và 91 tỷ đồng trong 9 tháng 2025. Ngược lại, chăn nuôi gia cầm và trứng tăng mạnh trong 2024 và đặc biệt là 9 tháng 2025 ghi nhận lãi 56 tỷ. Mảng thức ăn chăn nuôi 2024 duy trì ổn định quanh 531 tỷ đồng, giảm nhẹ (1,5%) so với 2023. Nhờ đó, tổng lợi nhuận gộp toàn Công ty tăng từ 544 tỷ đồng năm 2023 lên 1.462 tỷ đồng năm 2024 (tăng 169%), và tiếp tục duy trì mức cao với 1.690 tỷ đồng trong 9 tháng 2025.

7.1.4. Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên liệu:

Trong các lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất của Công ty, chế biến thức ăn chăn nuôi là hoạt động chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các nguyên liệu chính được sử dụng trong hoạt động này như sau:

Bảng 12: Nguyên liệu chính qua các năm (Hợp nhất)

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi					
1	Ngô hạt	kg	106.982.110	133.516.261	84.650.973
2	Khô đậu	kg	44.025.463	50.577.295	30.766.958
3	Cám mỳ	kg	36.800.607	41.848.358	28.555.437
Nguyên liệu chăn nuôi lợn					
1	Thức ăn gia súc	Kg	125.984.349	126.633.852	102.985.345
Nguyên liệu chăn nuôi bò					
1	Bột Ngô	kg	3.151.679	6.357.013	2.191.036
2	Sắn lát	kg	3.283.773	4.630.519	3.460.288
3	Khô cò	kg	2.452.640	3.358.655	2.866.515
Nguyên liệu chăn nuôi gà					
1	Thức ăn chăn nuôi cho Gà	kg	51.301.797	52.049.867	39.795.399
2	Khay giấy đựng trứng	Cái	12.204.333	13.378.838	10.359.255

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

b. Sự ổn định của nguồn cung cấp:

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì mối quan hệ kinh doanh với nhiều đối tác lớn cả ở trong nước và nước ngoài. Chính nhờ những mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ này mà Công ty có thể chủ động hơn về thông tin thị trường, nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, qua đó Công ty có thể thực hiện được các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính dài hạn.

Bảng 13: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi					
1	Ngô, khô đậu	Công Ty TNHH Cargill Việt Nam	257.164	198.027	101.250
2	Ngô, Khô đậu, cám mỳ, lúa mỳ	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Asia Goldman	191.521	198.039	352.729
3	Ngô, Khô đậu	Bunge Sa	151.593	147.816	163.204
Nguyên liệu chăn nuôi lợn					
1	Thức ăn gia súc	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	583.095	590.105	465.774
2	Thức ăn gia súc	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	814.002	731.035	637.818
Nguyên liệu chăn nuôi bò					
1	Ngô, sắn, vỏ đậu nành	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Argo	13.319	25.833	21.077
2	Ngô hạt, sắn lát	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Minh Thành	12.538	26.831	12.380
3	Khô cò, đậu tương, ngô hạt	Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Thuận An	21.614	26.244	11.460
Nguyên liệu chăn nuôi gà					
1	Cám	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	529.624	443.168	308.410
2	Thuốc, vắc xin	Công ty TNHH Olmix Asialand Việt Nam	9.828	10.586	8.180
3	Khay giấy	Công ty CP Minh Long Phú Thọ	9.305	7.908	3.931
4	Khay giấy	Công ty CP Công nghệ xanh Anh Phát	-	5220	8.166

*Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát***c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:**

Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên sự biến động của giá cả nguyên vật liệu trên thị trường cũng có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong 5 năm trở lại đây, thị trường nguyên vật liệu không chỉ trong nước mà cả trên thế giới đều

biến động rất phức tạp. Đỉnh điểm giá lên cao năm 2021-2022, đến năm 2024 xu hướng giảm dần, năm 2025 ổn định, tuy nhiên có nhiều yếu tố bất ổn chính trị tác động cục bộ, đặc biệt tác động tới tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động thực hiện chiến lược mua nguyên liệu hợp lý, nên ảnh hưởng của biến động được Công ty đánh giá là không lớn.

7.1.5. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát luôn hướng tới việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, sản xuất của Công ty bao gồm:

Chăn nuôi bò

- Tiêu chuẩn Tiêu chuẩn ESCAS

Chăn nuôi lợn

- Tiêu chuẩn VietGAHP

Chăn nuôi gà và sản xuất trứng

- Tiêu chuẩn: TCVN ISO 9001:2015
- Tiêu chuẩn: TCVN 5603:2023 (HACCP)

Sản xuất thức ăn chăn nuôi

- Tiêu chuẩn ISO 9001:2015
- Tiêu chuẩn GLOBAL G.A.P
- Tuân thủ các QCVN chuyên ngành

Công ty thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra của Công ty bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ. Theo đó nhanh chóng phát hiện và điều chỉnh để đảm bảo chất lượng đồng nhất.

7.2. Thị trường hoạt động

Thị trường nội địa, đặc biệt là khu vực miền Bắc chiếm hơn 50% doanh thu của Công ty. Hiện nay, Công ty đang duy trì tệp khách hàng với hơn 700 hệ thống nhà phân phối trên toàn quốc, tập trung tại khu vực phía Bắc, với tần suất hợp tác thường xuyên và ổn định.

Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến 2024, khoảng 47% đến 51% sản lượng thức ăn chăn nuôi được sử dụng phục vụ hoạt động chăn nuôi nội bộ (bao gồm thức ăn chăn nuôi lợn và thức ăn chăn nuôi gà). Phần còn lại được phân phối ra thị trường dưới hai thương hiệu HP Feed và Big Boss thông qua hệ thống hơn 600 đại lý bán sỉ trải dài khắp ba miền Bắc, Trung và Nam.

Nhằm nâng cao hiệu quả phân phối và gia tăng giá trị sản phẩm, Công ty triển khai hình thức bán thức ăn chăn nuôi kết hợp với con giống lợn. Trong năm 2024, sản lượng thức ăn chăn nuôi đạt 339.000 tấn, chiếm khoảng 1,6% tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp toàn quốc (21,5 triệu tấn).

Trong những năm qua, Công ty chủ động kiểm soát tốc độ tăng trưởng sản lượng một cách thận trọng nhằm duy trì khả năng thương lượng giá với hệ thống đại lý, đồng thời đảm bảo hiệu quả

lợi nhuận của mảng kinh doanh này. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đầu tư mở rộng thêm một nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại khu vực miền Bắc, nhằm nâng cao công suất và mở rộng thị phần trên toàn quốc.

Lĩnh vực chăn nuôi lợn

Hiện tại, HPA chủ yếu cung cấp sản phẩm lợn hơi, chiếm khoảng 80% cơ cấu doanh thu trong năm 2024. Khoảng 20% còn lại đến từ sản phẩm lợn con thương phẩm và lợn nái hậu bị, được bán kết hợp với thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu HP Feed và Big Boss nhằm gia tăng giá trị sản phẩm. Công ty phân phối lợn thịt cho các đối tác doanh nghiệp, thương lái tại các chợ đầu mối, cũng như khách hàng nhỏ lẻ tại khu vực miền Bắc và miền Nam. Với tổng sản lượng đàn lợn xuất chuồng toàn quốc đạt 52,9 triệu con trong năm 2023, HPA chiếm dưới 1% thị phần. Tương tự như mảng thức ăn chăn nuôi, công ty duy trì chiến lược mở rộng sản lượng một cách thận trọng nhằm đảm bảo hiệu quả lợi nhuận. Trong những năm tới, HPA dự kiến mở rộng quy mô chăn nuôi lợn song song với việc tăng sản lượng thức ăn chăn nuôi, nhằm tận dụng hiệu quả mô hình bán chéo giữa con giống và thức ăn chăn nuôi.

Lĩnh vực chăn nuôi bò

Trong lĩnh vực chăn nuôi bò, Nông nghiệp Hòa Phát là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu tại Việt Nam với mô hình nhập khẩu giống bò Úc và nuôi vỗ béo theo tiêu chuẩn về trọng lượng. Sản phẩm đầu ra là bò hơi Úc đạt chuẩn ESCAS của chính phủ Úc, được cung cấp cho các nhà máy giết mổ và sau đó phân phối đến các kênh tiêu thụ như đại lý bán sỉ, nhà hàng, khách sạn và các điểm bán lẻ khác. Ước tính năm 2025, quy mô đàn bò Úc của công ty đạt hơn 40.000 con, chiếm khoảng 50% thị phần bò Úc vỗ béo tại Việt Nam.

Lĩnh vực chăn nuôi gia cầm

Trong lĩnh vực chăn nuôi gia cầm, sản phẩm chủ lực là trứng gà mang thương hiệu Trứng gà Hòa Phát, được sản xuất từ giống gà siêu trứng Hyline Brown nhập khẩu từ Anh và Úc. Sản phẩm Trứng gà sạch Hòa Phát hiện được phân phối rộng rãi tại các cửa hàng thực phẩm truyền thống và hệ thống siêu thị lớn tại Hà Nội, các tỉnh miền Bắc, Bắc Trung Bộ với hai nhãn hiệu là trứng gà HPE và trứng gà Smile. HPA hiện là một trong những đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp trứng gà tại miền Bắc Việt Nam. Ngoài sản phẩm trứng thương phẩm, một phần nhỏ không đáng kể trong doanh thu của lĩnh vực này đến từ gà giống và gà thải loại.

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo thị trường hoạt động chi tiết như sau:

Bảng 14: Doanh thu thuần theo thị trường hoạt động của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Miền Bắc	3.587.560	58,3%	3.909.509	56,6%	3.363.803	53,7%
Miền Trung	779.826	12,7%	788.176	11,4%	692.505	11,1%
Miền Nam	1.786.070	29,0%	2.210.888	32,0%	2.202.828	35,2%
Tổng cộng	6.153.456	100,0%	6.908.573	100,0%	6.259.136	100%

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Bảng 15: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường (Hợp nhất)*Đơn vị: triệu đồng*

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Miền Bắc	391.879	72,1%	935.411	64,0%	960.307	56,8%
Miền Trung	42.053	7,7%	56.385	3,9%	110.409	6,5%
Miền Nam	109.791	20,2%	470.443	32,2%	619.093	36,6%
Tổng cộng	543.722	100,0%	1.462.239	100,0%	1.689.808	100%

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

7.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 16: Các dự án lớn đang triển khai của Công ty

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tình trạng hiện tại
1	Xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ cao an toàn sinh học	Thôn Bù Ka 2, xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	2020	625.448.478.604	Đang triển khai
2	Xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ cao an toàn sinh học	Thôn Phú Mang 3, xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	2021	310.151.214.400	Đang triển khai

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Trên bảng là một số tài sản đầu tư tiêu biểu của Công ty đã và đang thực hiện trong các năm với mục tiêu ổn định sản xuất, duy trì chất lượng tài sản, bổ sung tài sản cần thiết và cải tạo lại các điều kiện lao động, điều kiện môi trường tại các nhà máy của công ty. Ngoài ra còn nhiều hạng mục nhỏ khác được đầu tư song song, liên tục trong quá trình vận hành nhà máy.

Tại lĩnh vực thức ăn chăn nuôi:

- Trong giai đoạn 2022 đến 2024, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, phục vụ cả nhu cầu nội bộ và bán thương mại ra thị trường. Tổng doanh thu từ thức ăn chăn nuôi bán ngoài đạt trên 2.100 tỷ đồng năm 2022, giảm nhẹ trong năm 2023 do sản lượng bán giảm nhẹ và năm 2023 do nền kinh tế suy thoái toàn cầu, sức mua giảm. Trong năm 2023 giá cả nguyên liệu có xu hướng giảm, dẫn tới giá bán thành phẩm giảm, doanh thu giảm tương ứng. Năm 2024, sản lượng bán thị trường tăng nhẹ so với 2023, sản lượng nội bộ tăng đều, dẫn tới tổng sản lượng tiêu thụ năm 2024 cao hơn 2023 gần 6,0%.
- Bên cạnh việc tối ưu công thức sản phẩm, Công ty đã chú trọng hơn vào công tác dịch vụ kỹ thuật trong bán hàng và phát triển kênh phân phối bằng cách tăng cường đội ngũ kinh

doanh có kiến thức kỹ thuật, mở rộng độ phủ thị trường tại các vùng chăn nuôi trọng điểm và củng cố quan hệ với các nhà phân phối chiến lược, có chiến lược mua nguyên liệu đúng. Gắn việc cung cấp con giống lợn với cám, cơ cấu lại tỷ lệ dòng hàng (tăng tỷ lệ cám heo, gia cầm thịt). Nhờ đó, biên lợi nhuận gộp từ TACN bán ngoài đã cải thiện rõ rệt, từ 13,2% năm 2022 lên 14,6% năm 2024, phản ánh hiệu quả từ việc quản trị chi phí và chính sách bán hàng phù hợp.

Lĩnh vực chăn nuôi lợn:

- Trong 2 năm qua, Công ty tập trung nâng cao năng suất đàn lợn giống thông qua việc gia tăng quy mô đàn cụ kỳ và ông bà từ 4.307 con năm 2022 lên 4.351 con năm 2023 (tăng 1,0% so với cùng kỳ). Đi cùng với đó, đàn lợn nái dòng bố mẹ được mở rộng từ lên đến 18.578 con trong 2023 (tăng 21,4% cùng kỳ), giúp cải thiện rõ rệt năng suất sinh sản. Nhờ chủ động được nguồn giống và nâng cao năng suất đẻ, quy mô đàn lợn thương phẩm tăng lên đến 449.282 con năm 2023 (tăng 25,1% cùng kỳ) và đạt 573.643 con năm 2024 (tăng 27,7% cùng kỳ).
- Việc mở rộng quy mô đàn và cải thiện công tác quản lý dịch bệnh giúp sản lượng bán ra ổn định, đạt hơn 357 nghìn con lợn thương phẩm trong 2023 (+15,9% cùng kỳ) và hơn 364 nghìn con trong 2024 (+2,0% cùng kỳ). Nhờ vậy, tổng doanh thu mảng lợn đạt 2.313 tỷ đồng năm 2023 (+4,1% cùng kỳ) và 3.054 tỷ đồng năm 2024 (+32,1% cùng kỳ). Đây là kết quả trực tiếp từ việc nâng tầm công tác con giống và quản trị vận hành trong chuỗi chăn nuôi.

Tại lĩnh vực chăn nuôi bò:

- Sau giai đoạn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty đã tiến hành tái cơ cấu toàn diện mảng bò từ năm 2023. Điểm mấu chốt là tối ưu công thức dinh dưỡng chăn nuôi và kiểm soát chặt chất lượng đầu vào và chi phí vận hành. Những công tác này đã đem lại hiệu quả rõ rệt khi doanh thu tăng từ 1.170 tỷ đồng năm 2023 lên 1.260 tỷ đồng năm 2024 (+7,7%), và đặc biệt biên lợi nhuận từ mức âm 9,7% năm 2023 đã chuyển sang dương 4,2% năm 2024. Đây là minh chứng cho hiệu quả của việc bám sát thực tế vận hành trang trại để ra quyết định.

Tại lĩnh vực chăn nuôi gà và sản xuất trứng:

- Năm 2024, Công ty đưa ra thị trường sản phẩm trứng gà vỏ hồng thương hiệu Hòa Phát Smile. Trứng có màu kem hồng, trứng gà tươi ngon, giàu dinh dưỡng. Trứng gà vỏ hồng có kích thước quả trứng có phần nhỏ hơn trứng gà HPE nhưng lòng đỏ to hơn, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam. Chất lượng trứng được kiểm soát chặt chẽ bởi quy trình khép kín từ chuồng nuôi tới thu gom trên băng chuyền tự động có thiết bị A.I đếm trứng cho từng chuồng, hệ thống băng tải chuyển trứng từ chuồng nuôi tới nhà trứng (nơi phân loại, đóng khay tự động) tới công đoạn lưu kho và xuất bán cho khách hàng. Việc định vị rõ sản phẩm, thương hiệu giúp Công ty thâm nhập sâu hơn vào cả kênh bán lẻ truyền thống, hiện đại và khách hàng công nghiệp (gồm các nhà sản xuất bánh, thực phẩm cần nguồn trứng ổn định và chất lượng cao). Cùng với việc củng cố hệ thống phân phối, Công ty nâng hiệu suất sản xuất từ 78,6% năm 2022 (tương ứng 264 triệu quả) lên 93% năm 2023 (311 triệu quả) và đạt 99,7% năm 2024 (335 triệu quả). Việc vận hành gần hết công suất đã cải thiện biên lợi nhuận gộp từ 0,6% năm 2023 lên 2,8% năm 2024. Có thể thấy, kết quả tăng trưởng về sản lượng và biên lợi nhuận gộp trong hai năm gần đây gắn liền trực tiếp với việc ra mắt sản phẩm mới này, tạo động lực quan trọng để cải thiện hiệu quả kinh doanh của mảng gà và trứng.

7.4. Các hợp đồng lớn

Danh sách một số hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, hoặc đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2023 đến nay như sau:

Bảng 17: Các hợp đồng lớn của Công ty

STT	Tên hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng
Thức ăn chăn nuôi							
1	130/HĐB/AGM-HPHY/CORN-2025	57.980.000	07/05/2025	06/2025	Loại cấp năng lượng ngô hạt Achantina	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Asia Goldman	Không có
2	149/HĐB/AGM-HPHY/CORN-2025	29.800.000	20/05/2025	06/2025	Loại cấp năng lượng ngô hạt Achantina	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Asia Goldman	Không có
3	131/HĐB/AGM-HPĐN/CORN-2025	28.760.000	07/05/2025	7/2025	Ngô	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Asia Goldman	Không có
Chăn nuôi lợn							
1	Hợp đồng bán lợn hơi Số 01/2020	Thoả thuận theo nguyên tắc	01/01/2020	Thoả thuận theo nguyên tắc	Lợn hơi	Nguyễn Thành Trung	Bên B thanh toán trước 110% giá trị lô hàng trước khi nhận hàng 2 tiếng đồng hồ.
2	Hợp đồng bán lợn hơi Số 01/2024	Thoả thuận theo nguyên tắc	01/01/2024	Thoả thuận theo nguyên tắc	Lợn hơi	Công ty TNHH Thực phẩm Anh Phát Hải Phòng	Bên B đồng ý để bên A được tự động bù trừ công nợ của bên B giữa các Công ty để đảm bảo điều kiện giao hàng.
3	Hợp đồng bán lợn hơi Số 09/2024	Thoả thuận theo nguyên tắc	01/01/2024	Thoả thuận theo nguyên tắc	Lợn hơi	Phan Đức Mạnh	Bên B thanh toán trước 110% giá trị lô hàng trước khi nhận hàng 2 tiếng đồng hồ.
Chăn nuôi bò							
1	HP-LSS-010425	159.556	01/04/2025	3 tháng - 4 tháng	Trâu, bò sống	Livestock Shipping Services Pty Ltd	Tuân thủ: Đáp ứng các điều kiện pháp lý đối với hoạt động xuất - nhập khẩu trâu bò sống; cung cấp thông tin

							và hỗ trợ hợp lý để đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ liên quan đến ESCAS
2	HP-LSS-201124	156.266	20/11/2025	3 tháng - 4 tháng	Trâu, bò sống	Livestock Shipping Services Pty Ltd	Tuân thủ: Đáp ứng các điều kiện pháp lý đối với hoạt động xuất - nhập khẩu trâu bò sống; cung cấp thông tin và hỗ trợ hợp lý để đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ liên quan đến ESCAS
3	HP-ACE-160625	93.450	16/06/2025	2 tháng - 3 tháng	Trâu, bò sống	Australian Cattle Enterprises (NT) Pty Ltd	Tuân thủ: Đáp ứng các điều kiện pháp lý đối với hoạt động xuất - nhập khẩu trâu bò sống; cung cấp thông tin và hỗ trợ hợp lý để đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ liên quan đến ESCAS
Sản xuất trứng							
1	9N/2023/HĐKT /GCHPPT-NTTT	Theo Nguyễn Tắc	02/01/2023	02/01/2023	Trứng	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Không Có
2	5N/2022/HĐKT /GCHPPT-BTL	Theo Nguyễn Tắc	11/01/2022	11/01/2022	Trứng	Bùi Thị Ly	Không Có
3	1N/2022/HĐKT /GCHPPT-LMS	Theo Nguyễn Tắc	04/01/2022	04/01/2022	Trứng	Lê Minh Sơn	Không Có

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Đồng thời các hợp đồng trên không có điều khoản quan trọng nào khác so với các hợp đồng kinh tế thông thường.

7.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

7.5.1. Nhà cung cấp lớn

Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 18: Các nhà cung cấp lớn của Công ty

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Sản phẩm/dịch vụ
-----	------------------	--------------------------	------------------

		2023	2024	9 tháng 2025	
Sản xuất thức ăn chăn nuôi					
1	Công Ty TNHH Cargill Việt Nam	321.131.013.090	261.160.912.040	101.250.377.340	Khô đậu, ngô
2	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Asia Goldman	290.571.284.150	268.825.328.930	352.728.685.744	Lúa mỳ, ngô, khô đậu
3	Bunge SA	172.728.988.967	223.749.604.506	163.203.542.790	Khô đậu, ngô
Chăn nuôi lợn					
1	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	814.001.701.656	731.035.018.187	637.817.870.540	Thức ăn chăn nuôi
2	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	583.094.998.887	590.104.981.596	465.773.972.260	Thức ăn chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thú Y Việt Áo	-	-	35.245.135.654	Thuốc thú y
Chăn nuôi bò					
1	Australian Cattle Enterprises (NT) Pty Ltd	-	401.004.628.115	376.047.020.564	Trâu, bò sống
2	Australian Rural Exports Pty Ltd	-	86.572.406.624	483.060.830.417	Trâu, bò sống
3	Livestock Shipping Services Pty Ltd	-	150.183.324.733	545.499.146.596	Trâu, bò sống
4	Frontier International Northern Pty Ltd	505.081.109.648	353.389.013.877	-	Trâu, bò sống
5	Halleen Australasian Livestock Traders Pty Ltd	73.705.728.998	-	-	Trâu, bò sống
Chăn nuôi gia cầm và trứng					
1	Công Ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi Hòa Phát Hưng Yên	529.623.821.110	443.168.037.660	308.409.688.281	Cám
2	Công Ty Điện Lực Phú Thọ - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	15.453.476.774	14.861.054.663	11.613.605.610	Điện lực
3	Công Ty TNHH Olmix Asialand Việt Nam	9.828.271.704	10.585.907.669	8.179.612.548	Thuốc, vắc xin

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

7.5.2. Khách hàng lớn:

Danh sách một số khách hàng lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại như sau :

Bảng 19: Các khách hàng lớn của Công ty

ST T	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)			San phẩm/ dịch vụ
		2023	2024	9 tháng 2025	
Sản xuất thức ăn chăn nuôi					
1	Nguyễn Văn Thi	-	29.447.251.970	39.831.994.461	Cám
2	Bùi Văn Hoan	65.751.870.380	54.934.504.600	36.761.612.359	Cám
3	Võ Thị Vân	39.888.242.898	33.659.186.920	27.279.802.207	Cám
Chăn nuôi lợn					
1	Công ty TNHH Thực Phẩm Anh Phát Hải Phòng	99.950.416.500	97.001.547.500	64.869.074.091	Lợn thương phẩm
2	Ngô Thanh Hà	177.132.659.250	102.236.753.250	32.341.736.500	Lợn thương phẩm
3	Nguyễn Thành Trung	97.107.517.550	121.243.165.000	58.149.309.050	Lợn thương phẩm
Chăn nuôi bò					
1	Đình Văn Hùng	169.422.610.000	82.954.623.000	147.508.548.00 0	Bò sống
2	HKD Phạm Thị Phượng	86.457.120.000	30.635.880.000	71.629.239.000	Bò sống
3	Nguyễn Đăng Kha	82.523.070.000	93.995.650.000	113.320.567.00 0	Bò sống
Chăn nuôi gia cầm và trứng					
1	Nguyễn Thị Thanh Tùng	62.066.505.000	114.531.487.500	106.215.058.50 0	Trứng
2	Bùi Thị Ly	60.450.078.000	44.604.532.200	29.611.627.500	Trứng
3	Lê Minh Sơn	41.496.369.000	34.352.010.000	22.642.078.500	Trứng
4	Công ty CP đầu tư sản xuất và thương mại Hà Anh	30.718.057.900	29.019.956.800	26.935.734.750	Trứng

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

7.6. Hoạt động Marketing

Quảng cáo

Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động quảng cáo và marketing theo những đặc thù riêng của mình (con giống và chất lượng thịt, trứng, thức ăn vượt trội) và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường trong nước. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu cầu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định.

Phân phối

Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được cung ứng cho thị trường nội địa. Hệ thống phân phối rộng khắp 3 miền ở Việt Nam với nhiều đại lý bán hàng trên toàn quốc. Trong hoạt động dịch vụ bán hàng, bộ phận kinh doanh của Công ty luôn bám sát khách hàng, hỗ trợ giao hàng tận nơi, nhanh chóng, đúng hẹn, được khách hàng đánh giá cao. Điều này đã mang lại những khách hàng truyền thống, lâu năm, gắn bó với Công ty.

7.7. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã được cấp các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu như sau:

Bảng 20: Danh sách nhãn hiệu của Công ty

	Nhãn hiệu	Số giấy chứng nhận	Thời gian được cấp	Sản phẩm tương ứng
1.	BIGBOSS	273289	12/12/2016	Thức ăn chăn nuôi
2.		273290	12/12/2016	Thức ăn chăn nuôi
3.	RÔNG VIỆT	271575	15/11/2016	Thức ăn chăn nuôi
4.	HPFEED	271576	15/11/2016	Thức ăn chăn nuôi
5.		312941	11/01/2019	Không có
6.		388364	03/06/2021	Không có
7.		355192	30/06/2020	Không có
8.		367169	19/10/2020	Không có
9.		554444	06/11/2023	Trứng gà
10.		554445	06/11/2023	Trứng gà

	Nhãn hiệu	Số giấy chứng nhận	Thời gian được cấp	Sản phẩm tương ứng
11.		554446	06/11/2023	Trứng gà
12.		55447	06/11/2023	Trứng gà

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

7.8. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Căn cứ theo Quyết định số 3609/QĐ-BNN-TY và Nghị định 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc lộ trình loại bỏ kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích phòng bệnh hoặc kích thích sinh trưởng. Luật chăn nuôi 2018, Luật bảo vệ môi trường 2020 yêu cầu khắt khe hơn về việc đảm bảo môi trường chăn nuôi, xử lý nước thải chăn nuôi, Công ty tiếp tục định hướng hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D) gắn với yêu cầu thực tiễn vận hành chăn nuôi hiện đại và an toàn sinh học, cụ thể:

- Công ty duy trì nghiên cứu và hoàn thiện các dòng sản phẩm thức ăn chăn nuôi với công thức dinh dưỡng tối ưu, phù hợp theo từng giai đoạn vòng đời của vật nuôi từ con non mới sinh đến giai đoạn trưởng thành. Các sản phẩm này được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù của từng loại gia súc, gia cầm và điều kiện trang trại, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt quy định về không sử dụng kháng sinh kích thích sinh trưởng.
- Công ty không ngừng nghiên cứu để hoàn thiện quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng trong trại chăn nuôi. Một trong những định hướng trọng tâm là áp dụng công nghệ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào lao động thủ công cho các khâu nặng sức. Công nghệ giám sát được triển khai để phát hiện sớm các dấu hiệu vật nuôi suy giảm sức khỏe, từ đó kịp thời cách ly và áp dụng biện pháp chăm sóc phục hồi. Điều này vừa nâng cao hiệu quả kiểm soát dịch bệnh, vừa hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng đàn vật nuôi.
- Công ty tiếp tục đầu tư và phối hợp với các đơn vị tư vấn, chuyên gia để nghiên cứu, chọn lọc và cải thiện chất lượng đàn giống. Trong đó, trọng tâm là duy trì và phát triển các dòng lợn sinh sản từ nền tảng giống DanBred ở cấp cụ kỵ, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô trang trại mới tại cả khu vực phía Bắc và phía Nam trong tương lai. Hoạt động này bảo đảm sự chủ động về nguồn giống, tạo nền tảng ổn định cho việc mở rộng quy mô sản xuất trong tương lai.
- Song song với công tác R&D trong chăn nuôi, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu, mở rộng và hoàn thiện hệ thống phân phối. Các sản phẩm nông nghiệp của Công ty – bao gồm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi lợn và bò, cũng như trứng gà Hòa Phát (thương hiệu HPE và Hòa Phát Smile) – được đưa vào nhiều kênh phân phối hơn, từ đó nâng cao độ phủ thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Bên cạnh hoạt động trực tiếp tại trang trại, Công ty từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành văn phòng và hệ thống quản lý nội bộ. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu luồng thông tin giữa các khối vận hành và bộ phận quản lý, tạo sự liên thông trong công tác điều hành sản xuất – kinh doanh.

Hoạt động xây dựng chiến lược và kế hoạch triển khai của Công ty tập trung vào thực hiện việc nghiên cứu nhu cầu thị trường bài bản nhằm hỗ trợ cho định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chăn nuôi. Bên cạnh đó, các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cũng hướng đến mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty ở lĩnh vực nông nghiệp. Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty sẽ được thực hiện trong thời gian tới phù hợp với nhu cầu và tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng thời điểm.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần đây và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 33 và Bảng 34 tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2023 – Quý III năm 2025.

Bảng 21: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	5.103.243	4.676.231	(8,4%)	4.947.183	4.518.897
Doanh thu thuần	6.153.456	6.908.573	12,3%	4.228.025	6.259.136
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	215.360	1.151.432	434,7%	1.023.984	1.409.810
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	(161)	(7.394)	57,9%	819	2.290
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	215.199	1.144.037	431,6%	1.024.802	1.412.100
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	181.136	1.030.854	469,1%	939.247	1.297.248
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	253,7%	98,8%	-	50,9%	105,5%
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	14,8%	36,4%	-	18,7%	53,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC Quý III năm 2025

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất của doanh nghiệp đạt 4.676 tỷ đồng, giảm 8,4% so với cuối năm 2023. Mức giảm này chủ yếu đến từ giảm tài sản ngắn hạn và tài sản cố định hữu hình giảm 276 tỷ đồng do điều chỉnh giá trị tài sản và trích khấu hao lũy kế. Phần còn lại đến từ tài sản dở dang dài hạn (giảm 57 tỷ) và các khoản phải thu dài hạn (giảm 37 tỷ). Vốn chủ sở hữu tại cùng thời điểm đạt 3.240 tỷ đồng, giảm 9,8% so với cuối năm trước. Tính đến 30/09/2025, tổng tài sản hợp nhất giảm 3,4% so với cuối năm 2024 và đạt 4.519 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 2.919 tỷ đồng giảm 9,9% so với 31/12/2024.

Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ trong giai đoạn này do Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông, đồng thời thực hiện giảm Vốn điều lệ từ thu hồi nguồn khấu hao. Vốn điều lệ của Công ty giảm từ 3.100 tỷ tại 31/12/2023 còn 2.800 tỷ tại 31/12/2024 (giảm 300 tỷ) và 2.550 tỷ tại 30/09/2025 (giảm 250 tỷ) từ việc thu hồi nguồn khấu hao của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên và CTCP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát. Đồng thời, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 15 tỷ (năm 2023); 1.042 tỷ (năm 2024) và 1.368 tỷ (9 tháng năm 2025), làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất giảm nhẹ từ 454 tỷ tại 31/12/2023 còn 421 tỷ tại 31/12/2024 và 348 tỷ tại ngày 30/09/2025.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 của doanh nghiệp đạt 6.909 tỷ đồng, tăng trưởng 12,3% so với năm 2023. Trong năm qua, doanh nghiệp đạt tăng trưởng doanh thu chủ yếu từ gia tăng sản lượng. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất 2024 tăng trưởng mạnh, đạt lần lượt 1.144 và 1.031 tỷ đồng, gấp 4,3 và 4,7 lần so với năm 2023. Với kết quả này, doanh nghiệp đã hoàn thành 221% so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất đề ra tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh đến từ việc tăng trưởng lợi nhuận của mảng chăn nuôi lợn cũng như việc gia tăng hiệu quả hoạt động của mảng chăn nuôi bò và chăn nuôi gia cầm.

Nhờ vào sự phục hồi của giá lợn và nỗ lực gia tăng sản lượng xuất chuồng từ 475 nghìn đầu lợn (năm 2023) lên 604 nghìn đầu lợn (năm 2024) làm cho mảng chăn nuôi lợn của Công ty đã ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế đạt 728 tỷ tương ứng tăng 703 tỷ và gấp 28 lần so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, mảng chăn nuôi lợn ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế là 940 tỷ gấp 1,3 lần so với cả năm 2024. Khi quy mô đàn tăng lên và chu kỳ chăn nuôi ổn định, chi phí bình quân trên mỗi đơn vị sản phẩm giảm nhờ hiệu quả kinh tế theo quy mô, từ đó duy trì lợi nhuận bền vững ngay cả trong bối cảnh giá lợn trên thị trường có thể biến động.

Sau giai đoạn ảnh hưởng nặng nề và kéo dài của dịch COVID, nhu cầu thị trường xuống thấp cộng với sự cạnh tranh khốc liệt của bò nhập lậu qua biên giới, thịt bò đông lạnh giá rẻ, mảng chăn nuôi bò của Công ty đã hồi phục và bắt đầu có lãi từ năm 2024, đạt 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế so với mức lỗ 169 tỷ năm 2023. Theo đó Công ty đã duy trì nhịp phục hồi và vươn lên tăng trưởng đạt mức 49 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế vào 9 tháng năm 2025. Nhờ điều kiện thị trường cải thiện và kế hoạch gia tăng quy mô đàn, mảng bò được kỳ vọng tiếp tục đóng góp lợi nhuận tích cực vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Với mảng chăn nuôi gia cầm, năm 2024 sản lượng trứng của Công ty đạt 334 triệu quả, tăng 7% so với cùng kỳ, ghi nhận lãi sau thuế 2 tỷ so với mức lỗ 15 tỷ năm 2023. Năm 2025 giá trứng tăng mạnh khi nguồn cung hạn chế, Công ty đang mở rộng thị trường vào miền Trung và miền Nam nhờ hệ thống phân phối rộng, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trở lại trên thị trường. Lợi nhuận sau thuế đạt 40 tỷ vào 9 tháng năm 2025. Nếu nhu cầu thị trường tích cực và giá trứng phục hồi, mảng trứng dự kiến có dư địa cải thiện lợi nhuận trong các năm tới

Bảng 22: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	3.103.717	2.806.024	(9,6)%	2.568.503	2.553.285

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	6 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2025
Doanh thu hoạt động tài chính	4.956	1.045.652	21.000,6%	911.465	1.366.467
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.395	1.043.731	43.483,9%	911.432	1.365.895
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	0,0007	(0,0003)	(140,0%)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.395	1.043.731	43.483,9%	911.432	1.365.895
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.916	1.043.731	54.379,9%	911.424	1.365.887

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III 2025

Trong năm 2024, doanh thu hoạt động tài chính từ Công ty mẹ riêng lẻ tăng 21.000,6% so với năm 2023. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế tăng 54.379,9% so với năm trước do các chỉ tiêu sau:

- Doanh thu tài chính tăng 21.000,6% do tăng thu lợi nhuận từ các công ty con chuyển về.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 30,0% so với 2023, tương đương giảm 639 triệu đồng.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

8.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Ngành thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi tại Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong hai năm gần đây chủ yếu nhờ vào nhu cầu tiêu thụ gia tăng trong nước, đặc biệt ở cơ hội xuất khẩu. Các hiệp định thương mại như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) mở ra các cơ hội xuất khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi sang các thị trường quốc tế. Nhờ vậy, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 447,5 triệu USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ngành chăn nuôi. Nghị định số 106/2024/NĐ-CP, ban hành ngày 01/08/2024, nổi bật với các nội dung: tháo gỡ vướng mắc trong triển khai dự án; hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua sắm thiết bị công nghệ; hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi; đầu tư vùng nguyên liệu và chế biến phụ phẩm nông nghiệp; khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Những chính sách này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển, mà còn góp phần xây dựng ngành chăn nuôi hiệu quả, ổn định và bền vững và nâng tầm thương hiệu Việt Nam sang quốc tế.
- Để ứng phó hiệu quả với tác động của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đảm bảo công tác an toàn sinh học trong chăn nuôi và đã chủ động đa dạng hóa danh mục sản phẩm chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi. Nhờ chiến lược này, mặc dù một số phân khúc chăn nuôi bị ảnh hưởng và ghi nhận sự sụt giảm nhu cầu đến từ các dịch bệnh bao gồm Dịch tả lợn Châu Phi, các phân khúc khác vẫn duy trì đà tăng trưởng khi người tiêu dùng chuyển sang lựa chọn các sản phẩm thịt thay thế.

- Với mô hình tích hợp giữa sản xuất thức ăn chăn nuôi và hoạt động chăn nuôi, Công ty tối ưu chi phí đầu vào cho mảng chăn nuôi thông qua tối ưu hóa khẩu phần dinh dưỡng, tối ưu chi phí khâu vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng, đảm bảo an toàn sinh học, đồng thời tạo đầu ra ổn định cho mảng thức ăn chăn nuôi. Bên cạnh đó, nhờ sự tư vấn từ Tập đoàn Hòa Phát – công ty mẹ hoạt động đa ngành trong các lĩnh vực gang thép, nông nghiệp, bất động sản và điện máy gia dụng – Công ty được hưởng lợi từ hiệu ứng cộng hưởng về cấu trúc chi phí, kinh nghiệm sản xuất hơn 30 năm và năng lực quản trị từ đội ngũ lãnh đạo từng điều hành tập đoàn quy mô lớn.

8.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Các mặt hàng chăn nuôi có tính thời vụ cao (đặc biệt là trứng, sản phẩm thịt lợn/bò tiêu thụ mạnh vào các dịp lễ tết), giá cả biến động mạnh do phụ thuộc lớn vào nguồn cung. Thị trường vẫn phân mảnh với sự tham gia chủ yếu từ các hộ nông nhỏ và trang trại sau vườn. Mặc dù xu hướng tập trung hóa đang gia tăng nhờ các doanh nghiệp lớn áp dụng mô hình chăn nuôi chuyên nghiệp, nguồn cung nông sản vẫn thiếu ổn định và thường chậm nhịp so với nhu cầu. Do đó, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc đáng kể vào khả năng dự báo cung cầu và đạt được lợi thế cạnh tranh trong cấu trúc chi phí.
- Tại Việt Nam, khoảng 75% nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi phải nhập khẩu, khiến cơ cấu chi phí ngành này phụ thuộc lớn vào nhiều yếu tố biến động như tình hình địa chính trị toàn cầu, thuế nhập khẩu và chi phí vận chuyển. Số lượng yếu tố ảnh hưởng cao khiến việc dự báo chi phí nguyên liệu trở nên khó khăn. Do đó, doanh nghiệp cần áp dụng các hợp đồng tương lai và chiến lược phòng ngừa rủi ro để giảm biến động giá nguyên liệu, kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Trong những năm qua, do ngành chăn nuôi còn phân mảnh và thiếu kiểm soát dịch bệnh, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tối ưu hóa sản lượng và giảm thiệt hại từ vật nuôi chết do các dịch bệnh nghiêm trọng như dịch tả lợn châu Phi (ASF), lở mồm long móng (FMD) và cúm gia cầm A/H5N1. Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp cần triển khai các biện pháp kiểm soát an toàn nghiêm ngặt, bao gồm tiêm phòng vaccine định kỳ và vệ sinh khu vực chăn nuôi thường xuyên.

8.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

9. Vị thế của Công ty trong ngành

9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ Phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2015. Sau hơn 10 năm hoạt động, quy mô tổng tài sản của Công ty đã đạt 4.519 tỷ đồng tại 30/9/2025, so với các công ty niêm yết khác cùng ngành tại ngày 30/09/2025 như:

Bảng 23: So sánh Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025 các công ty tương tự trong ngành

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam
Tổng tài sản	4.518.897	15.561.866	9.606.281	6.688.101
Vốn chủ sở hữu	2.918.972	7.920.482	4.302.032	5.971.851
Vốn điều lệ	2.550.000	3.848.667	3.040.216	2.124.916
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.409.022	12.619.900	3.647.903	2.207.144
Doanh thu tài chính	38.177	56.945	15.443	143.271
Lợi nhuận / (Lỗ) khác	2.290	13.011	11.132	(2.258)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.412.100	1.438.702	379.721	31.281
Lợi nhuận sau thuế	1.297.248	1.358.187	365.340	16.901
Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) / vốn chủ sở hữu bình quân (%)	53,2%	21,7%	13,0%	1,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2025

Công ty đã rất nhanh chóng mở rộng quy mô phát triển và tạo được uy tín lớn trong ngành chăn nuôi. Dựa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, có thể thấy Công ty đang hoạt động rất hiệu quả, lợi nhuận sau thuế đạt 1.030 tỷ đồng trong năm 2024 với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm là 578% tính từ năm 2022. Điều này cho thấy Công ty đã vào giai đoạn tăng trưởng ổn định và bền vững, vượt qua những khó khăn của thị trường. Công ty đặt mục tiêu doanh thu 2025 đạt 8.000 tỷ đồng và LNST 1.314 tỷ đồng.

Hệ thống trang trại của Công ty hiện có 7 trang trại nuôi lợn với quy mô hơn 162 nghìn con lợn thịt/lứa, 3 trang trại nuôi bò Úc với quy mô hơn 42,5 nghìn con bò/lứa, 2 trang trại nuôi gà với công suất hơn 330 triệu quả trứng/năm và 2 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất đạt 600.000 tấn/năm, hoạt động trải dài trên khắp tỉnh cả nước. Công ty định hướng trở thành một trong các doanh nghiệp dẫn đầu về chăn nuôi tại Việt Nam.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành thức ăn chăn nuôi

Thị trường tiêu thụ thịt lợn đã có những dấu hiệu tăng trưởng trở lại sau những biến động nhất định thời gian vừa qua. Thị trường chăn nuôi đã thu hút thêm nhiều nhà đầu tư. Theo Cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, xu hướng của ngành sẽ dịch chuyển theo hướng: Thứ nhất, số lượng trang trại lớn tăng thêm. Đến năm 2027, sản lượng thịt lợn trong các trang trại ước tính chiếm tỷ trọng trên 70%; Thứ hai, chăn nuôi quy mô nhỏ giảm mạnh (5-7%/năm) tương đương với sản lượng thịt nuôi trong nông hộ giảm xuống còn dưới 30%; Thứ ba, chăn nuôi với các sản phẩm đi kèm sẽ là sự cạnh tranh của doanh nghiệp và các hộ chăn nuôi

chuyên nghiệp. Cùng với đó là triển vọng, hợp tác liên kết chuỗi phát triển mạnh mẽ giữa nhà chăn nuôi, nhà giết mổ và nhà phân phối.

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tại nhiều tỉnh thành trên Việt Nam, chi phí thức ăn chiếm khoảng 60%-70% chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm chăn nuôi. Sự khởi sắc của ngành chăn nuôi là yếu tố quan trọng giúp nhu cầu thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Theo dự báo của Cục Chăn nuôi, Bộ Nông Nghiệp và Môi trường, trong năm 2025, ước tính giá trị sản xuất toàn ngành ngành chăn nuôi tăng khoảng 4 - 5% so với năm 2024. Tỷ trọng chăn nuôi trong tổng thể ngành nông nghiệp ước đạt 28 - 30%. Do vậy, sản xuất thức ăn cho chăn nuôi vẫn là một ngành có triển vọng với doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng sẽ gia tăng đều đặn trong các năm tới.

Năng lực sản xuất thức ăn chăn nuôi của doanh nghiệp Việt Nam còn chưa cao, phụ thuộc lớn vào các doanh nghiệp nước ngoài. Trên thị trường thức ăn chăn nuôi, doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 63 – 65% tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi sản xuất ra và vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, trong khi khối doanh nghiệp nội địa chỉ chiếm khoảng 35 – 37%. Ngoài các doanh nghiệp trong nước lớn như Dabaco, Greenfeed, Hòa Phát,..., các doanh nghiệp tư nhân nhỏ đang chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp FDI.

Việc tự sản xuất thức ăn chăn nuôi sẽ mang lại ưu điểm là chủ động hoàn toàn được nguồn thức ăn và kiểm soát được dinh dưỡng cho từng loại lợn, giảm giá thành chăn nuôi. Tối ưu hóa giá thành chăn nuôi đàn lợn bằng việc chủ động sản xuất cám với chi phí thấp, nhằm giảm thiểu tác động của biến động giá lợn hơi trên thị trường.

Theo OECD, ngành chăn nuôi cũng như thị trường thức ăn chăn nuôi của Việt Nam được đánh giá đầy tiềm năng trong thời gian tới. Cơ sở cho nhận định này là Việt Nam nằm trong số những quốc gia tiêu thụ thịt lợn bình quân đầu người hàng đầu thế giới, đứng thứ ba ở châu Á, sau Trung Quốc và Hàn Quốc.

Sự phát triển của ngành chăn nuôi lợn thịt Việt Nam là động lực chính của ngành thức ăn chăn nuôi trong nước. Mặc dù giá thịt lợn có nhiều áp lực giảm, nhưng vẫn ở mức rất cao so với năm trước. Với mức giá có lợi này, nông dân có động lực để khởi động lại doanh nghiệp và các trang trại thương mại để xây dựng lại đàn lợn của họ bằng các biện pháp an toàn sinh học tốt trong điều kiện có khả năng dịch tả tái phát.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng kép hằng năm 5,06% để đạt quy mô thị trường 12,270 tỷ USD vào năm 2025 từ mức 9,124 tỷ USD vào năm 2019. Dư địa tăng trưởng cho các doanh nghiệp ngành chăn nuôi trong những năm tới vẫn còn rất lớn.

Ngành chăn nuôi lợn

Theo Cục Chăn nuôi và Thú y, thịt lợn là thực phẩm chính, chiếm từ 60 đến 64% sản lượng ngành thịt Việt Nam trong giai đoạn 2022 đến 2024. Với mức tiêu thụ thịt lợn bình quân đạt 37 kg/người/năm tại năm 2024, Việt Nam nằm trong top đầu thế giới về mức sử dụng thịt lợn theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA). Tổng đàn lợn cuối năm 2024 đạt khoảng 32 triệu con, tăng 7 triệu con so với 2020, phục hồi hoàn toàn sau cú sốc dịch tả lợn châu Phi từ năm 2019. Sản lượng thịt lợn hơi năm 2024 khoảng 5,2 triệu tấn, chiếm khoảng 4,3% nguồn cung toàn cầu và về cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước. Điểm đáng chú ý là cơ cấu ngành đang thay đổi nhanh: từ chỗ hơn 50%

sản lượng do hộ nhỏ lẻ, hiện 70% sản lượng lợn đến từ trang trại quy mô lớn, chuyên nghiệp. Nhiều nông hộ nhỏ không trụ được sau dịch bệnh và giá thức ăn tăng, dẫn đến xu hướng thị phần tập trung vào các doanh nghiệp lớn như CP, Dabaco, CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, v.v. Về giá cả, thị trường lợn hơi biến động mạnh vài năm qua. Sau dịch ASF, nguồn cung lợn giảm khiến giá lợn hơi tăng kỷ lục (khoảng 90.000 đ/kg cuối 2019). Đến năm 2024, giá bình quân đạt 67.700 đ/kg trong khi tại đầu năm 2025, giá bất ngờ vọt lên hơn 80.000 đ/kg trong dịp Tết do khan hiếm cục bộ, sau đó hạ nhiệt còn khoảng 69.000 đ/kg cuối tháng 3/2025. Nguyên nhân một phần do Luật Chăn nuôi 2025 siết chặt điều kiện vận hành trại chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu môi trường, khiến nhiều trại phải đóng cửa, di dời. Theo Cục Chăn nuôi, dự báo trung hạn, tiêu thụ thịt lợn Việt Nam có thể tăng chậm lại sau giai đoạn phục hồi bùng nổ, do xu hướng đa dạng nguồn đạm và lo ngại các vấn đề về vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, với văn hóa ẩm thực ưu tiên thịt lợn, đây vẫn sẽ là ngành ổn định và có dư địa nâng cao hiệu quả qua công nghiệp hóa, an toàn sinh học

Ngành chăn nuôi bò

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, mức tiêu thụ thịt bò của người Việt hiện còn thấp so với thế giới, bình quân khoảng 6–7 kg thịt hơi/người/năm (tương đương với 3–4 kg thịt thành phẩm), chỉ bằng khoảng 70–80% mức trung bình châu Á và thấp hơn 50% mức ~10,7 kg của thế giới. Tuy nhiên, mức tiêu thụ thịt bò trung bình trên một đầu người tại Việt Nam có tốc độ tăng khá cao, hơn 10%/năm trong giai đoạn 2019 đến 2022 nhờ thu nhập gia tăng, người dân dần quen tiêu thụ thịt bò, đặc biệt ở các đô thị với nhiều cách chế biến thịt bò. Năm 2023, tổng đàn bò Việt Nam đạt khoảng 6 triệu con nhưng sản lượng thịt bò đáp ứng chỉ khoảng 45–50% nhu cầu trong nước, còn lại phải nhập khẩu bò sống từ Úc và trâu/bò đông lạnh từ Úc, Mỹ, Ấn Độ, v.v. theo Cục Chăn nuôi.

Động lực tăng trưởng của thị trường đến từ tầng lớp trung lưu tăng chi tiêu cho thịt bò chất lượng cao, xuất xứ rõ ràng và được xem là cao cấp. Nhiều nhà hàng, siêu thị bán thịt bò ngoại nhập như Mỹ và Úc với giá cao nhưng vẫn có khách. Do đó, các doanh nghiệp nội địa đang đầu tư mạnh vào trại bò thịt chất lượng cao nhằm thay thế nguồn cung nhập khẩu bò. Đồng thời, Chính phủ cũng khuyến khích phát triển đàn bò, thể hiện qua các bước tiến như: Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai các chương trình cải tạo giống (Sind hóa, Zebu hóa) nâng tầm vóc bò lai lên khoảng 170–250 kg/con, đặt mục tiêu đến 2030 tăng tỷ lệ tự cung thịt bò lên mức cao hơn, đồng thời gắn với mục tiêu giảm phát thải ngành chăn nuôi. Tổng thể, ngành bò Việt Nam đứng trước cơ hội mở rộng nhanh nếu giải quyết được bài toán con giống và thức ăn tinh cho bò.

Ngành chăn nuôi gia cầm và sản xuất trứng

Tiêu thụ thịt gia cầm (gà và vịt) và trứng của Việt Nam tăng nhanh trong thập kỷ qua. Theo Hiệp hội Chăn nuôi gia cầm Việt Nam, năm 2022, trung bình mỗi người Việt ăn khoảng 16 kg thịt gia cầm và 184 quả trứng, tăng gấp 2 lần so với năm 2011. Dù vậy, mức này vẫn thấp hơn nhiều nước (ví dụ Trung Quốc với khoảng 300 quả/người và Nhật Bản với 330 quả/người) nên dư địa tăng còn lớn. Sản lượng trứng gia cầm tại Việt Nam đạt 19 tỷ quả/năm trong năm 2022 theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong đó trứng gà ~14,4 tỷ, còn lại là trứng vịt, trứng cút, v.v. Việt Nam hiện thuộc top 15 thế giới về sản lượng trứng sản xuất. Gần như toàn bộ được tiêu thụ nội địa với sản lượng xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 1% tổng sản lượng trứng. Ngành gia cầm đang chuyển nhanh sang mô hình công nghiệp: các trang trại gà thịt tập trung (CP, JAPFA, v.v) và trang trại gà

đẻ lớn (CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, CP, Ba Huân, v.v) liên tục mở rộng đàn. Chỉ riêng khu vực công nghiệp đã cung cấp hơn 10,4 tỷ quả trứng gà năm 2023 theo Hiệp hội Chăn nuôi gia cầm. Xu hướng nổi bật là sự xuất hiện của các thương hiệu trứng sạch, trứng dinh dưỡng trên thị trường. Người tiêu dùng bắt đầu làm quen với việc mua trứng đóng hộp có nhãn mác tại siêu thị thay vì trứng không nguồn gốc được bán ở chợ. Các sản phẩm trứng Omega-3, trứng vitamin E, gà thả phúc lợi cao, v.v được bán với giá cao hơn 15–20% nhưng vẫn rất đắt hàng cho thấy người dân sẵn sàng chi trả để đổi lấy chất lượng và an toàn. Nhờ đó, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ để nâng chất lượng trứng: ví dụ công nghệ tiệt trùng và ozone hóa trứng sau thu hoạch, giúp kéo dài hạn sử dụng và diệt khuẩn. Dự kiến đến 2030, tiêu thụ trứng Việt Nam có thể đạt ~250 quả/người theo ước tính của Hiệp hội chăn nuôi gia cầm, đưa Việt Nam tiến gần mức trung bình khu vực và là cơ hội lớn cho ngành gia cầm tiếp tục tăng trưởng.

9.2.1. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

a. Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Chăn nuôi có vị trí quan trọng, là ngành kinh tế sản xuất chính của nông nghiệp nước ta. Trong suốt thời kỳ đổi mới, khi nước ta thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, Đảng ta đã thường xuyên bổ sung những quan điểm, định hướng phát triển ngành chăn nuôi sát với tình hình trong nước và thế giới, đem lại nhiều thành tựu cho ngành chăn nuôi.

Nhà nước luôn có những chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp trong nước bằng những hành động thiết thực đối với các doanh nghiệp như ưu đãi chính sách ưu đãi về thuế và phí. Hiện nay, chính sách ưu đãi thuế đang quy định ưu đãi ở mức cao nhất đối với lĩnh vực nông nghiệp, giảm thuế, phí từ lĩnh vực nông nghiệp và mức thuế thấp nhất, qua đó góp phần thu hút đầu tư, phát triển lĩnh vực nông nghiệp và hỗ trợ người nông dân. Mới đây nhất, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2021/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. Thông tư 24/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/5/2021. Theo quy định tại Thông tư, áp dụng mức thu bằng 50% mức thu phí tại Biểu mức thu phí kể từ ngày 17/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021. Theo đó, giảm 50% mức phí: Thẩm định cấp giấy phép, giấy chứng nhận vật tư nông nghiệp; thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp; thẩm định công nhận hoặc chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhìn nhận thấy những thiệt hại nặng nề bởi dịch bệnh gây ra đối với ngành nông nghiệp, Nhà nước và các cơ quan chính quyền địa phương đang từng bước thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành chăn nuôi: Chuyển mạnh chăn nuôi nhỏ lẻ sang hình thức chăn nuôi trang trại; quy hoạch các vùng chăn nuôi với kỹ thuật tiên tiến, an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh; khuyến khích doanh nghiệp chăn nuôi đổi mới công nghệ, đẩy mạnh chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển giao nhanh công nghệ chăn nuôi an toàn dịch bệnh, ứng dụng công nghệ cao, liên kết giữa các khâu nhằm đảm bảo giá trị từ sản xuất giống, sản xuất đến chế biến. Cũng như chuyển dịch cơ cấu đàn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người trực tiếp chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định.

Bộ Nông Nghiệp và Môi trường cũng đã ký thỏa thuận với Tổ chức Thú y thế giới để hỗ trợ các doanh nghiệp chăn nuôi sản xuất theo chuỗi đạt tiêu chuẩn chất lượng để xuất khẩu. Trước hết sẽ tập trung vào việc nhà nước đồng hành hỗ trợ các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn lớn để họ tìm

kiểm thị trường, đồng thời trên cơ sở yêu cầu của các tập đoàn để xây dựng các vùng nguyên liệu, chế biến xuất khẩu.

b. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, Công ty vẫn định hướng phát triển tập trung vào lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Mô hình chăn nuôi 2F của Công ty mang tính hiệu quả và bền vững với quy trình chăn nuôi được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn khắt khe của Châu Âu kết hợp với công nghệ di truyền giống hàng đầu thế giới. Việc ứng dụng công nghệ, tự động hóa trong chăn nuôi giúp giảm chi phí vận hành, đảm bảo vật nuôi phát triển đồng đều, tối ưu năng suất chăn nuôi, hạn chế tối đa việc lây lan dịch bệnh từ bên ngoài. Cơ chế vận hành theo chuỗi khép kín đảm bảo nguồn đầu ra đầu vào của nguyên vật liệu và sản phẩm sản xuất luôn được thông suốt, từ đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nhìn chung định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, cũng như chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

10.1. Cơ cấu tổ chức và tổ chức nhân sự của Công ty mẹ

Trước thời điểm đăng ký niêm yết và tiến hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), Công ty chưa phải là công ty đại chúng, do đó, một số chức danh quản lý của Công ty có kiêm nhiệm giữ chức vụ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát – là công ty mẹ của Công ty – và được trả lương tại đây. Nhằm mục đích minh bạch và đáp ứng các quy định pháp luật có liên quan sau khi trở thành công ty đại chúng và được niêm yết trên HOSE, Công ty đã tiến hành rà soát, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo này để đảm bảo tránh xung đột lợi ích, đồng thời thành lập các phòng chuyên trách

10.2. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán là 2023 và 2024 lần lượt là 2.123 và 2.156 người.

Tính đến thời điểm 30/09/2025, tổng số lượng lao động của Công ty là 2.046 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 24: Cơ cấu lao động Công ty

Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024		30/09/2025	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Phân loại theo giới tính	2.123	100%	2.156	100%	2.046	100,0%
Nam	1.483	69,9%	1.498	69,5%	1.428	69,8%

Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024		30/09/2025	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Nữ	640	30,1%	658	30,5%	618	30,2%
Phân loại theo trình độ	2.123	100%	2.156	100%	2.046	100,0%
Trên đại học	11	0,5%	11	0,5%	13	0,6%
Đại học	471	22,2%	479	22,2%	485	23,7%
Cao đẳng, Trung cấp	315	14,9%	309	14,3%	303	14,8%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	90	4,2%	92	4,3%	78	3,8%
Lao động phổ thông	1.236	58,2%	1.265	58,7%	1.167	57,0%

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

10.3. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) và sáng thứ 7, nghỉ từ chiều thứ 7 đến chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh, người lao động có thể làm thêm giờ theo sự thỏa thuận, không vượt quá giới hạn pháp luật cho phép, không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Thực hiện theo Bộ luật Lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.
- Nghỉ phép năm 16 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ Giải phóng Miền Nam 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

10.4. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty thực hiện tuyển dụng theo theo nguyên tắc công khai, công bằng và minh bạch, phù hợp với nhu cầu từng đơn vị.

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban.

Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho CBCNV trong các phòng ban, phân xưởng. CBCNV mới được đào tạo hội nhập, phổ biến nội quy, quy chế và hướng dẫn công việc. Đối với các cán bộ quản lý, công ty hỗ trợ chi phí các khóa học nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng quản

lý. Với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản xuất, Công ty vẫn duy trì hình thức đào tạo tại chỗ; công nhân lành nghề được hưởng trợ cấp đào tạo khi hướng dẫn, đào tạo công nhân mới.

10.5. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp/ phúc lợi

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó, gắn với khung lương Công ty và kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

An toàn lao động:

- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho NLĐ.
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động và tập huấn phòng cháy chữa cháy hàng năm cho lao động toàn Công ty.
- Bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra, đo lường.
- Bảo đảm các điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nhà xưởng đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động hoặc đạt các tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đã được công bố, áp dụng.

Phúc lợi:

- 100% lao động được đóng BHXH theo quy định của pháp luật.
- Thường cho người lao động vào các dịp lễ, tết; có hỗ trợ công tác phí, chi phí điện thoại, xăng xe; có xe đưa đón phục vụ CBCNV đi làm hằng ngày.
- Hỗ trợ ăn trưa/ăn ca; tổ chức các hoạt động phúc lợi, thăm hỏi, hiếu hỷ, các sự kiện văn hóa và đoàn thể.

10.6. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

Bảng 25: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng 2025
Tỷ lệ theo mệnh giá cổ phiếu	0,5% (*)	37,2% (**)	53,6% (***)
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt
Số tiền	15.000	1.042.542	1.367.964

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

(*) Trong năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức tại cuộc họp ngày 10/12/2023

(**) Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức tại các cuộc họp ngày 10/04/2024 và 21/09/2025

(***) Trong năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức tại các cuộc họp ngày 27/03/2025, 10/04/2025, 05/05/2025, 02/07/2025 và 01/08/2025

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

12.1. Tình hình công nợ

Bảng 26: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

	Riêng lẻ			Hợp nhất		
Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nợ phải thu	102.961	51.910	75	234.846	256.981	188.628
Nợ phải trả	2.488	1.199	536	1.509.904	1.436.230	1.599.926

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất Quý III 2025

12.2. Các khoản phải thu

Bảng 27: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	137.116	195.930	140.045	42,9%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	94.366	93.699	98.304	(0,7%)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.971	47.124	16.074	177,7%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.400	30.000	-	257,1%
Phải thu ngắn hạn khác	27.291	35.545	33.892	30,2%
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.926)	(10.546)	(8.272)	6,3%
Tài sản thiếu chờ xử lý	14	108	49	671,4%
II. Các khoản phải thu dài hạn	97.730	61.051	48.583	(37,5%)
Phải thu về cho vay dài hạn	95.351	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	2.379	61.051	48.583	2.466,3%
Tổng cộng	234.846	256.981	188.628	(9,4%)

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025

Trong đó, thông tin chi tiết về các khoản phải thu về cho vay gồm:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 (triệu đồng)	31/12/2024 (triệu đồng)	30/06/2025 (triệu đồng)
Cho vay ngắn hạn			8.400.000	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tố Hoài (*)		2024	8.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam (**)	4,75%	2025	-	30.000.000	-
Cho vay dài hạn					
Bà Nguyễn Thị Tố Hoài (*)	6,0%	2030	95.351.027	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2025 đã được soát xét

01/08/2025

(*) Khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hòa Phát với bà Nguyễn Thị Tố Hoài hưởng lãi suất 6,0% một năm. Theo điều khoản của hợp đồng cho vay gốc cho vay và lãi vay sẽ được căn trừ với chi phí thuê và tiền nuôi gia công mà Công ty phải trả cho bà Hoài theo Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công số 04/2021/TT/CNHP – Nguyễn Thị Tố Hoài ngày 1 tháng 5 năm 2021 (“Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công”) trong suốt thời hạn của hợp đồng này từ 2021 đến 2030. Tại ngày 1 tháng 5 năm 2024, theo biên bản thanh lý hợp đồng cho vay giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Tố Hoài, hai bên đồng ý chuyển toàn bộ số dư gốc cho vay và lãi phải thu thành tiền đặt cọc Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công. Theo phụ lục số 03/2024/GC/CNHP ngày 1 tháng 5 năm 2024 của Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công, số dư khoản tiền đặt cọc này kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2024 không chịu lãi và sẽ được căn trừ với tiền thuê gia công trong suốt thời gian của Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công đến năm 2030.

(**) Khoản cho vay ngắn hạn theo hợp đồng số 01/VV/HP-ĐMHN/2024 ngày 24/12/2024 giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước và Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát) với thời hạn vay 5 tháng với lãi suất 4.75%. Khoản cho vay này đã được Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam hoàn trả vào 07/05/2025.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 và 31/12/2024, Công ty hợp nhất ghi nhận lần lượt 9,9 tỷ đồng và 10,5 tỷ đồng dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn.

Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.961	32.910	75	1011,5%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	75	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	32.700	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.961	210	-	(92,9%)
Dự phòng các khoản phải thu	-	-	-	-
Ngắn hạn khó đòi	-	-	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-
II. Các khoản phải thu dài hạn	100.000	19.000	-	(81,0%)
Phải thu về cho vay dài hạn	100.000	19.000	-	(81,0%)
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng cộng	102.961	51.910	75	(49,6%)

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ quý III 2025

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 và 31/12/2024, Công ty riêng lẻ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

12.3. Các khoản phải trả

Bảng 29: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Nợ ngắn hạn	1.509.776	1.417.065	1.580.803	(6,1%)
Phải trả người bán ngắn hạn	249.781	219.919	288.725	(12,0%)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.213	6.172	10.970	18,4%
Thuế và các khoản phải nộp	33.191	96.004	115.004	189,2%
Phải trả người lao động	31.367	70.994	22.468	126,3%
Chi phí phải trả ngắn hạn	46.361	51.052	71.443	10,1%
Phải trả ngắn hạn khác	4.537	4.994	6.487	10,1%
Vay ngắn hạn	1.121.377	930.636	1.035.957	(17,0%)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.949	37.294	29.749	107,8%
Nợ dài hạn	128	19.165	19.123	14.855,9%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	19.000	19.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	128	165	43	28,7%
Phải trả dài hạn khác	-	-	80	-
Tổng cộng	1.509.904	1.436.230	1.599.926	(4,9%)

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III 2025***Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty (Riêng lẻ)***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Nợ ngắn hạn	2.489	1,199	536	(51,8%)
Phải trả người bán ngắn hạn	1.026	286	315	(72,1%)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp	480	-	-	(100,0%)
Phải trả người lao động	-	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	908	694	-	(23,6%)
Phải trả ngắn hạn khác	-	19	34	-
Vay ngắn hạn	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	74	200	187	169,2%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Tổng cộng	2.488	1,199	536	(51,8%)

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2025

▪ **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

Bảng 31: Tổng dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	-	-	-	-
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	-	-	-	-
2. Vay dài hạn	-	-	-	-
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	-	-	-	-
Tổng nợ vay	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2025

Bảng 32: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	1.121.377	930.636	1.035.957	(17,0%)
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính(**)	1.021.377	930.636	1.035.957	(8,9%)
Công ty/ tổ chức liên quan	100.000	-	-	(100,0%)
2. Vay dài hạn	-	19.000	19.000	-
Công ty/ tổ chức liên quan (*)	-	19.000	19.000	-
Tổng nợ vay	1.121.377	949.636	1.054.957	(15,3%)

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025

(*) Các khoản vay dài hạn là các khoản vay bằng đồng VND từ Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - công ty mẹ, khoản vay này không được bảo đảm chịu lãi suất 5,0%/năm với kỳ đáo hạn cuối cùng vào năm 2027.

(**) Nhằm mục đích bổ sung giá trị tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, một số cá nhân có liên quan đã sử dụng tài sản cầm cố sau:

- 12.394.476 cổ phiếu HPG của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát thuộc sở hữu của ông Trần Đình Long (Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - là công ty mẹ của Công ty) để bổ sung giá trị tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho tất cả các hợp đồng cấp tín dụng giữa Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên, Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước (là các công ty con của Công ty) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.
- 4.000.000 cổ phiếu HPG của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát thuộc sở hữu của ông Chu Quân (Chủ tịch Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai - là công ty con của Công ty, đồng thời là công ty đi vay) để bổ sung giá trị tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho hợp đồng cấp tín dụng giữa Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (là công ty con của Công ty) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – chi nhánh Thành phố Hà Nội.

41.242.161 cổ phiếu HPG của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Tuấn (Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - là công ty mẹ của Công ty) để bổ sung giá trị tài sản thế chấp nhằm đảm bảo được đảm bảo cho tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào của các Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng, Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát, Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình (là các công ty con của Công ty) với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.

12.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 33: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế giá trị gia tăng	101	25	77
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.460	94.130	113.676
Thuế thu nhập cá nhân	597	1.807	1.211
Thuế tài nguyên	27	17	11
Các loại thuế, phí khác	5	26	29
Tổng cộng	33.190	96.003	115.004

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025

Bảng 34: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	479	-	-
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	480	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2025

12.5. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bảng 35: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Quỹ khen thưởng phúc lợi	74	200	187	17.949	37.294	29.749

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất Quý III 2025

12.6. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

12.7. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**12.7.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)****Bảng 36: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,6	1,6
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,9	0,8
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30%	31%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42%	44%
3. Năng lực hoạt động			

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,2	1,4
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	2,5	2,9
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,4	5,0
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	2,9%	14,9%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	3,4%	21,1%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	5,2%	30,2%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	712	3.525

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (Hợp nhất)

▪ Về khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 1,6 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tương đương với tỷ lệ trong năm 2023. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,9 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng 0,1 lần so với mức năm 2023.

▪ Về cơ cấu vốn

Kể từ năm 2023 cơ cấu vốn của công ty vẫn duy trì trong phạm vi dưới 50%. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 30% lên 31% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 42% lên 44% tại cuối năm 2024. Hệ số cơ cấu vốn cải thiện để tối ưu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thông qua vay nợ thuê tài chính dài hạn.

▪ Về năng lực hoạt động

Chỉ số Vòng quay tổng tài sản năm 2024 đạt mức 1,4, tăng nhẹ so với năm 2023 ở mức 1,2. Chỉ số Vòng quay vốn lưu động tăng nhẹ từ 2,5 năm 2023 lên 2,9 năm 2024. Chỉ số Vòng quay hàng tồn kho cũng tăng nhẹ so với năm 2023, cụ thể từ 4,4 lần lên 5,0 lần.

▪ Về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, chủ yếu do doanh thu thuần về sản xuất kinh doanh tăng trong năm. Cụ thể, chỉ số ROS, ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 lần lượt là 14,9%, 22,0% và 30,2%.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

12.7.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Riêng lẻ)

Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,8	31,5
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,8	31,5
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,08%	0,04%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,08%	0,04%
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	-	-
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	-	-
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	-	-
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	-	-
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	0,06%	35,3%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	0,06%	35,3%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	6	3.538

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (Riêng lẻ)

▪ **Về khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 31,5 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng 16,5 lần so với năm 2023. Vì hoạt động Công ty không yêu cầu hàng tồn kho, hệ số thanh toán nhanh của Công ty bằng với hệ số thanh toán ngắn hạn, đạt mức 31,5 lần năm 2024 và 1,8 lần năm 2023.

▪ **Về cơ cấu vốn**

Công ty duy trì một cơ cấu vốn thấp và an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản không biến động lớn từ năm 2023 sang năm 2024, giữ bình ổn lần lượt là 0,08% và 0,04%.

▪ **Về năng lực hoạt động**

Vì hoạt động Công ty thuần về hoạt động tài chính, cung cấp nguồn vốn cho các công ty con liên quan, năng lực hoạt động Công ty không bị ảnh hưởng bởi vòng quay tài sản, vốn lưu động, hàng tồn kho.

▪ **Về khả năng sinh lời**

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, sự tăng trưởng chủ yếu đến

từ hiệu quả doanh thu đến từ hoạt động tài chính, do hiệu quả hoạt động của các công ty con liên quan. Vì vậy, chỉ số ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 đều đạt ngưỡng 35,3%, tăng 35,2% so với năm 2023.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty: Không có.

13. Tài sản cố định

Bảng 38: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	4.303.139	1.765.396	4.445.081	1.488.091	4.522.607	1.275.090
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	2.498.700	1.060.952	2.570.931	893.236	2.623.431	790.951
2	Máy móc thiết bị	1.400.170	516.018	1.413.717	408.262	1.418.477	328.192
3	Phương tiện vận chuyển	237.574	77.442	239.718	63.373	243.642	56.932
4	Thiết bị văn phòng	8.144	1.372	8.178	772	11.268	3.315
5	Vật nuôi	153.139	108.058	208.025	121.334	220.376	94.813
6	Tài sản cố định khác	5.412	1.554	5.412	1.113	5.412	888
II	TSCĐ vô hình	18.851	13.574	20.365	14.598	19.469	13.989
1	Quyền sử dụng đất	12.860	12.860	12.860	12.860	12.860	12.860
2	Phần mềm máy vi tính	5.991	714	7.505	1.738	6.609	1.129
	Tổng cộng	4.321.990	1.778.970	4.465.446	1.502.689	4.542.075	1.289.079

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025

Bảng 39: Tài sản cố định của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	31,2	-	31,2	-	31,2	-
1	Máy móc thiết bị	31,2	-	31,2	-	31,200	-
II	TSCĐ vô hình	150,86	-	150,86	-	150,860	-
1	Phần mềm	150,86	-	150,86	-	150,860	-
	Tổng cộng	182,06	-	182,06	-	182,06	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2025

Bảng dưới liệt kê danh sách 10 tài sản cố định lớn của CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát:

Bảng 40: Chi tiết về tài sản cố định lớn của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công ty	Tên tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chuồng bò trại Quảng Bình	174.862	82.106	174.862	61.187	174.862	50.749
2	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Máy móc sản xuất thức ăn chăn nuôi	99.273	57.200	99.273	50.536	99.273	45.538
3	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Khu xử lý phân bón trại Quảng Bình	72.774	40.691	72.774	32.207	72.774	25.923
4	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hệ thống nhà cửa chính	65.536	48.717	65.536	46.096	65.536	44.129
5	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	TS 14 nhà thịt từ 4.1 đến 4.16 trừ 2 nhà 4.11+4.13	62.422	8.935	62.422	-	62.422	-
6	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Lợn giống Hậu Bị Cái (năm 2022-1286GGP)	52.521	36.108	52.521	22.978	52.521	13.130
7	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Dây chuyền thiết bị sản xuất thức ăn chăn nuôi	51.075	14.046	51.075	8.938	51.075	5.108
8	Công ty TNHH	Nhà cửa khác	51.012	34.674	51.012	32.121	51.012	30.207

STT	Công ty	Tên tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên							
9	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Hệ thống chuồng nuôi khu Hạ Đồng Chòi	41.621	-	41.621	-	41.621	-
10	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Lợn giống Hậu Bị Cái (năm 2023-2305PS) (Mục H1-TT45)	43.268	40.203	43.268	29.386	43.268	21.273
11	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Lợn giống Hậu Bị Cái (năm 2024- 1538PS) (Mục H1-TT45)	-	-	41.276	35.830	41.276	28.091

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025

Bảng 41: Chi tiết về tài sản cố định lớn của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy tính cá nhân làm việc	31,2	-	31,2	-	31,200	-
1	Phần mềm kế toán	150,86	-	150,86	-	150,860	-
	Tổng cộng	182,06	-	182,06	-	182,06	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2025

14. Các dự án của Công ty

Không áp dụng

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

15.1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của HPA được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 đã được

Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/QĐ – ĐHĐCĐTN ngày 27/03/2025.

Bảng 42: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2025 trên cơ sở hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Tổng doanh thu	7.084	8.000	12,9%
Lợi nhuận sau thuế	1.031	1.314	27,5%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	14,6%	16,4%	12,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	30,2%	29,0%*	-3,8%
Tỷ lệ cổ tức (Cổ tức/mệnh giá cổ phiếu)	36,4%	50,9%	39,8%

*Theo ước tính của Công ty

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nói trên

Tập trung phát triển mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh, duy trì, phát huy vị thế đã đạt được của Công ty trong các ngành chăn nuôi, đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng để đạt mục tiêu dài hạn:

- **Tự chủ toàn diện:** Hướng tới mục tiêu "tự chủ từ con giống, thức ăn đến chăn nuôi", giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài.
- **Chất lượng cao:** Cung cấp sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa theo chuẩn quốc tế.

Cụ thể, đối với từng lĩnh vực sản xuất chăn nuôi của Công ty:

- **Chăn nuôi heo:** Xây dựng hệ thống trang trại quy mô lớn, sử dụng giống heo ngoại chất lượng cao để nâng cao năng suất, đồng thời tập trung kiểm soát nguồn cung thịt heo. Tính đến hết 9 tháng năm 2025, tổng quy mô đàn heo đã vượt mốc 550 nghìn con, doanh thu mảng heo đạt 2.877 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp đạt 36,5%.
- **Chăn nuôi gia cầm:** Duy trì vị thế là một trong những nhà cung cấp trứng gà hàng đầu thị trường miền Bắc, đồng thời phát triển sản phẩm gà mái một ngày tuổi. Trong 9 tháng năm 2025, sản lượng trứng gà đạt 251 triệu quả, tương đương 100% công suất thiết kế. Mảng sản xuất trứng gà ghi nhận doanh thu 527 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp đạt 10,7%.
- **Chăn nuôi bò:** Phục hồi hoạt động và tăng sản lượng bò bán ra, đảm bảo nguồn cung thịt bò chất lượng cao cho thị trường nội địa. Trong 9 tháng năm 2025, sản lượng bò đạt 30.299 con, mảng chăn nuôi bò ghi nhận doanh thu 1.377 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp đạt 7%.

- **Thức ăn chăn nuôi:** Thúc đẩy song song sản lượng cung cấp thức ăn chăn nuôi ra thị trường và sử dụng nội bộ. Nghiên cứu khả thi, cân nhắc đầu tư nhà máy nâng tổng công suất sản xuất từ 600.000 tấn/năm lên 1 triệu tấn/năm. Trong 9 tháng năm 2025, sản lượng thức ăn chăn nuôi đạt hơn 273 nghìn tấn. Mảng thức ăn chăn nuôi ghi nhận doanh thu 1.478 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp đạt 16,9%.

Tiếp tục phát huy các thế mạnh, khai thác hiệu quả các cơ sở sản xuất kinh doanh:

- **Chuỗi giá trị khép kín:** Xây dựng chuỗi cung ứng từ sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi đến chăn nuôi và phân phối sản phẩm.
- **Công nghệ hiện đại:** Đầu tư vào công nghệ quản lý trang trại hiện đại, an toàn sinh học, hệ thống giám sát tự động và thiết bị theo dõi sức khỏe đàn.
- **Mạng lưới trang trại rộng khắp:** Xây dựng hệ thống trang trại lớn tại nhiều tỉnh thành, tạo mạng lưới sản xuất quy mô

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm, Công ty ghi nhận tổng doanh thu đạt 6.409 tỷ đồng (tương đương 80,1% Kế hoạch 2025) và lợi nhuận sau thuế đạt 1.297 tỷ đồng (tương đương 98,7% Kế hoạch 2025), với tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 20,2%, vượt kế hoạch 2025 là 16,2%, cho thấy Kế hoạch 2025 là khả thi và có nhiều cơ sở để hoàn thành.

15.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Vietcap và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Bảng 43 liệt kê thông tin về các hợp đồng thuê của Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

Bảng 43: Thông tin về các hợp đồng thuê đất và thuê hoạt động của Công ty

TT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	Trại gà thương phẩm, khu Vạn Thắng, xã Đồng Lương, tỉnh Phú Thọ	25/01/2019	30/06/2066	Đất nông nghiệp	395.132,6

TT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
2	Lô F, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	01/10/2015	14/05/2058	Đất công nghiệp	50.000
3	Tầng 9, số 22 Võ Văn Kiệt, phường Sài Gòn, TP. HCM (*)	01/08/2024	01/08/2025	Đất thương mại, dịch vụ	236
4	Ấp Phú Lợi, xã Thạnh Xuân, Tp Cần Thơ	01/12/2023	30/11/2028	Đất xây dựng kho	990
5	Ấp Lộ Ngang, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	01/04/2020	31/03/3030	Đất xây dựng kho	2.890
6	Thọ Lộc 1, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	18/07/2025	18/01/2026	Đất xây dựng kho	1.100
7	K753 Quốc lộ 1A xã Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị	15/05/2025	15/05/2026	Đất xây dựng kho	200
8	Khu Công nghiệp Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	21/10/2021	11/01/2067	Đất công nghiệp	50.240
9	Tầng 7, số 39, Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (*)	01/07/2024	Theo thoả thuận	Đất thương mại, dịch vụ	169
10	Hợp đồng số 1, tầng 8, số 39, Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (*)	01/07/2024	Theo thoả thuận	Đất thương mại, dịch vụ	160
11	Hợp đồng số 2, tầng 8, số 39, Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (*)	01/07/2024	Theo thoả thuận	Đất thương mại, dịch vụ	207
12	Tầng 9, số 39, Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (*)	01/07/2024	Theo thoả thuận	Đất thương mại, dịch vụ	329
13	Đường A2, Khu A, KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	10/06/2015	15/01/2054	Đất công nghiệp	45.000
14	Thôn Điều Tàu, Xã Dương Hưu, tỉnh Bắc Giang	08/05/2019	28/4/2066	Đất nông nghiệp	241.562
15	Thôn Hạ-Đồng Chòi-Bản Bàu, Xã Dương Hưu, tỉnh Bắc Giang	08/05/2019	28/4/2066	Đất nông nghiệp	670.096
16	Thôn Đồng Bằng 3, Xã Lương Thịnh, tỉnh Yên Bái	03/07/2016	10/02/2065	Đất nông nghiệp	250.000
17	Xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai	11/04/2016	10/02/2065	Đất nông nghiệp	192.414
18	Xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ	01/09/2017	14/12/2035	Đất nông nghiệp	412.419
19	Xã Nam Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	04/03/2017	19/07/2065	Đất nông nghiệp	402.559
20	Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	25/10/2016	05/09/2066	Đất nông nghiệp	861.802
21	Thôn Bù Ka 2, xã Long Hà, tỉnh Đồng Nai	09/10/2020	06/04/2070	Đất nông nghiệp	560.762
22	Tiểu khu Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị	24/07/2020	15/10/2043	Đất trồng cây hàng năm, đất	5.952.249

TT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
				nông nghiệp, đất thủy lợi	
23	Tiểu khu Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị	10/09/2020	15/10/2043	Đất nông nghiệp	542
24	Ấp Cọ Dầu 2, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai	18/04/2025	03/03/2070	Đất nông nghiệp	10.340

(*) Hợp đồng thuê văn phòng

Nguồn: CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Các hợp đồng thuê đất được liệt kê trong bảng 32 trên đều là đất trả tiền hằng năm. Vì vậy, đối với các hợp đồng có thời hạn thuê sau 2025, Công ty đều có nghĩa vụ trả tiền hằng năm theo quy định của Luật Đất đai 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Đối với các hợp đồng thuê kho và thuê văn phòng, Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê hằng năm hoặc theo thời hạn quy định trong từng hợp đồng thuê. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện trả đầy đủ tiền thuê hằng năm và sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê khi phát sinh.

17. Chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển

17.1. Chiến lược kinh doanh

17.1.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chăn nuôi nông nghiệp.
- Định vị thương hiệu Công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp xu hướng và tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chấp hành các cấp để cải tiến giá trị, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu, đảm bảo mỗi sản phẩm làm ra đều đạt tiêu chuẩn cao nhất. Theo đó, chú trọng phát triển công nghệ xanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và góp phần bảo vệ môi trường.
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

17.1.2. Chiến lược thực thi và phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2025—2030

Trong giai đoạn 5 năm tới, Công ty định hướng tập trung vào việc mở rộng quy mô chăn nuôi, nâng cao hiệu quả vận hành, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu hóa nguồn vốn. Chiến lược phát triển được triển khai cụ thể theo từng mảng hoạt động chính như sau:

- Ở lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty nghiên cứu và ứng dụng thành công dòng sản phẩm thức ăn chăn nuôi cho heo thịt với khẩu phần đậm thô thấp, acid amin cao cho trại nội bộ. Góp phần giảm áp lực về môi trường (mùi) trong khi vẫn đảm bảo thành tích chăn nuôi vượt trội. Kế thừa thành công này, công ty tiếp tục đưa ra thị trường dòng sản phẩm FARM cho các trại chăn nuôi lớn giúp giảm áp lực môi trường đáng kể. Tiếp tục tập trung vận hành tối đa công suất thiết kế hiện hữu và chuẩn bị điều kiện để mở rộng công suất khi thị trường tăng trưởng. Chiến lược ưu tiên tối ưu hóa quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi, nâng cao hiệu quả quản trị chất lượng, giảm chi phí sản xuất và đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản lượng tiêu thụ nội bộ cũng như nhu cầu thị trường. Định hướng đến năm 2030, tổng sản lượng sản xuất đạt ở mức công suất thiết kế tối đa là 300 nghìn tấn ở mỗi nhà máy.
- Ở lĩnh vực chăn nuôi heo, Công ty định hướng mở rộng hệ thống trang trại tại cả miền Nam và miền Bắc, bao gồm cả trại giống và trại thương phẩm, nhằm từng bước nâng quy mô đàn lợn lên khoảng 900 nghìn con vào năm 2030. Chiến lược tập trung vào việc chủ động con giống, quản lý dịch bệnh chặt chẽ và tối ưu hóa năng suất sinh sản, từ đó gia tăng sản lượng lợn thương phẩm đưa ra thị trường.
- Ở lĩnh vực chăn nuôi bò, Công ty tiếp tục tăng quy mô đàn nuôi tại các trang trại hiện hữu khi điều kiện thị trường thuận lợi. Mục tiêu là từng bước đưa quy mô đàn bò lên khoảng 73 nghìn con vào năm 2030. Trọng tâm chiến lược là linh hoạt trong công tác nhập bò và quản trị chi phí chăn nuôi, nhằm duy trì hiệu quả kinh doanh bền vững.
- Ở lĩnh vực chăn nuôi gà và sản xuất trứng, Công ty định hướng đầu tư thay thế và nâng cấp trang thiết bị chăn nuôi gà đẻ, đồng thời tiếp tục duy trì vị thế số 1 về thị phần trứng tại miền Bắc. Song song, Công ty sẽ tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm trứng gà, đáp ứng nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng và khách hàng công nghiệp. Mục tiêu dài hạn là củng cố vai trò đầu tàu trong ngành trứng sạch tại Việt Nam.

Nguồn vốn và nguồn lực

Để đạt được chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2025—2030 nói trên, Công ty sẽ chuẩn bị sẵn sàng về nguồn vốn và nguồn lực.

Các kế hoạch mở rộng nói trên sẽ được triển khai trên cơ sở tối ưu hóa cơ cấu vốn, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nguồn vốn sau đây: (i) sử dụng vốn tự có tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh, (ii) kết hợp vốn vay từ các tổ chức tín dụng, và (iii) huy động sự hỗ trợ từ Công ty mẹ khi cần thiết. Chính sách sử dụng vốn được thiết kế nhằm cân bằng giữa khả năng mở rộng quy mô nhanh và đảm bảo an toàn tài chính dài hạn.

Về chi tiết cơ cấu và mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh trong những năm tới, vui lòng tham khảo mục IX. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để biết thêm chi tiết.

Đối với nguồn lực nhân sự, Công ty tiếp tục thực hiện và nâng cao các chính sách tuyển dụng và đào tạo nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt bao gồm các đội ngũ nghiên cứu và phát triển, chuyên gia kỹ sư hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ sinh học, dinh dưỡng vật nuôi, thú y giỏi để

nguyên cứu giống, công thức thức ăn chăn nuôi, và kiểm soát dịch bệnh. Đồng thời, Công ty cũng tập trung đào tạo nhân sự chuyên sâu về kỹ thuật vận hành máy móc hiện đại trong nhà máy TACN và trang trại công nghệ cao.

18. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Tạ Tuấn Quang	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát

1.1. Ông Nguyễn Việt Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ tên: Nguyễn Việt Thắng
- Ngày/tháng/năm sinh: 04/02/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2015	Công ty XD và PT Đô thị Hòa Phát	Phó Giám đốc
2015 - T3/2018	Giám đốc Công ty TNHH MTV TM & SX thức ăn chăn nuôi Hòa Phát	Giám đốc
T4/2018 - T4/2021	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Giám đốc
T10/2021 - T10/2023	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2007- nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Thành viên HĐQT
2013 - T4/2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Phó Tổng Giám đốc
T4/2021- nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát Hải Dương
 -

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Phú Yên
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,035% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,035% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 240.926.782 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,536% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên trên sổ	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng cp	Tỷ lệ sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Công ty mẹ	Người liên quan của người nội bộ	240.926.782	84,536%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Việt Thắng và những người có liên quan: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Vân
- Ngày/tháng/năm sinh: 05/10/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2010	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Kế toán trưởng
2011-2015	Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	Kế toán trưởng
2011-2015	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Trưởng Ban Kiểm soát
06/2015	Công ty CP Khoáng Sản Hoà Phát	Phó Giám Đốc

12/2015 - nay	Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hoà Phát	Giám đốc
---------------	--	----------

- Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Công ty kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động
 - Chủ tịch Công ty kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Tân
 - Phó Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy
 - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên
 - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,018% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,035% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên trên sổ	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng cp	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Không	Chị ruột	100.000	0,035%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Thanh Vân và những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/ cổ phiếu)	
2023	-	-	-	-	-	-
2024	-	-	-	-	-	-
9T2025	-	130	-	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

1.3. Ông Tạ Tuấn Quang – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ tên: Tạ Tuấn Quang
- Ngày/tháng/năm sinh: 17/12/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế Toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995-2006	Công ty TNHH TM&SX Nội Thất Hòa Phát	Giám đốc
2006-2021	Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát	Giám đốc
2007-2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ:
 - Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,035% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần, chiếm 0,035% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 150.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,053% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên trên sổ	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng cp	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tạ Tuấn Dương	Không	Con	150.000	0,053%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Tạ Tuấn Quang và những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban kiểm soát
3	Vũ Thanh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Bà Ngô Lan Anh – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ tên: Ngô Lan Anh
- Ngày/tháng/năm sinh: 01/05/1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Chuyên viên Ban Pháp Chế
2021 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,011%VĐL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,011%VĐL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên trên sổ	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng cp	Tỷ lệ sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Công ty mẹ	Người liên quan của người nội bộ	240.926.782	84,536%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Ngô Lan Anh và những người có liên quan: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2.2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Nguyễn Thị Thu Trang
- Ngày/tháng/năm sinh: 15/09/1992
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Chuyên viên Ban Tài chính
2024 – nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Phó Ban - Ban Tài chính

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 70.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 70.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Thu Trang và những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2.3. Bà Vũ Thanh Thủy – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Vũ Thanh Thủy
- Ngày/tháng/năm sinh: 10/12/1981
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005-2006	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Kế toán viên
2007 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Chuyên viên Ban Tài chính
2007 - 2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,011% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,011% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Vũ Thanh Thủy và những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Bà Phạm Thị Hồng Vân – Tổng giám đốc

- Họ tên: Phạm Thị Hồng Vân
- Ngày/tháng/năm sinh: 12/02/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Thương mại
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997	Công ty Cổ phần Nội Thất Hòa Phát	Trưởng phòng Vật tư
2015	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Phó Giám đốc
2020 - nay	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Giám đốc
2023 - T8/2025	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chủ tịch HĐQT
2023 – nay	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát
 - Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên
 - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ
 - Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 75.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,026% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 75.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,026% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 125.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,044% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên trên sổ	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng cp	Tỷ lệ sở hữu %
1	Bùi Văn Huân	Không	Chồng	60.000	0,021
2	Phạm Thanh Xuân	Không	Anh trai	65.000	0,023

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Phạm Thị Hồng Vân và những người có liên quan: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/ cổ phiếu)	
2023	-	1.300	101,7	-	-	-
2024	-	1.540	402,5	-	-	-
9T2025	-	1.260	715,4	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng – Kế toán trưởng

- Họ tên: Nguyễn Thị Hồng Thắng
- Ngày/tháng/năm sinh: 29/10/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Chuyên viên Ban Tài chính
2017 - nay	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HPA, công ty con của HPA, công ty do HPA nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Hồng Thắng và những người có liên quan: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/ cổ phiếu)	
2023	-	34,5	20,4	-	-	-
2024	-	-	-	-	-	-
9T2025	-	-	-	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan về quản trị công ty đại chúng như đáp ứng số lượng yêu cầu về thành viên độc lập Hội đồng quản trị, xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, v.v. Công ty có kế hoạch tăng cường công tác quản trị trong thời gian tới như sau:

- Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì và phát huy vai trò giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, phối hợp xử lý các vấn đề tồn đọng, đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng.
- Thực hiện rà soát, điều chỉnh mô hình tổ chức, quản lý công ty cho tinh gọn, hiệu quả.
- Quyết tâm bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, tạo sự bình đẳng, minh bạch trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tất cả các cổ đông.
- Tăng cường thực hiện các quy định về công bố thông tin, đảm bảo các thông tin phải được công bố đầy đủ, tiếp cận với các cổ đông nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy CNDK DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)	Quan hệ với người nội bộ
1	Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	001070010500	07/01/2022	Cục cảnh sát	100.000	0,035%	Người nội bộ
1.01	Nguyễn Xuân Phong	Không	036035000617	08/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Bố
1.02	Nguyễn Thị Kim Trâm	Không	033137003278	07/01/2022	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ

1.03	Vũ Thị Trinh	Không	036147000007	26/12/2012	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ vợ
1.04	Nguyễn Thanh Diệu Hương	Không	N1939523	24/04/2018	Lãnh sự quán VN tại Đức	-	0,000%	Chị gái
1.05	Đoàn Văn Vĩnh	Không	CFJMV91HF	06/02/2017	Đức	-	0,000%	Anh rể
1.06	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Không	034172009663	08/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Vợ
1.07	Nguyễn Đình Huy	Không	001099027679	12/05/2020	Cục cảnh sát	-	0,000%	Con trai
1.08	Nguyễn Đình Hiếu	Không	001203001539	02/06/2017	Cục cảnh sát	-	0,000%	Con trai
1.09	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Không	0900189284	11/08/2025	Sở tài chính tỉnh Hưng Yên	240.926.782	84,536 %	Công ty mà người nội bộ là Tổng Giám Đốc kiêm thành viên HĐQT
1.10	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Không	0800384651	17/08/2007	Sở KH &ĐT tỉnh Hải Dương	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Thành viên HĐQT
1.11	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	Không	0109463408	18/12/2020	Sở KH &ĐT Thành phố Hà Nội	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT
1.12	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Phú Yên	Không	4401114587	26/12/2024	Sở KH &ĐT tỉnh Phú Yên	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT
1.13	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Không	4300793861	03/02/2017	Sở KH &ĐT tỉnh Quảng Ngãi	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Chủ tịch HĐQT	040176000931	18/12/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	50.000	0,018%	Người nội bộ

2.01	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Không	040147000107	08/04/2021	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Mẹ đẻ
2.02	Nguyễn Thị Thu Thủy	Không	040173027163	04/05/2021	Cục CS quản lý HC về TTXH	100.000	0,035%	Chị ruột
2.03	Nguyễn Xuân Hiếu	Không	038073020932	04/05/2021	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Anh rể
2.04	Nguyễn Tấn Long	Không	038080014157	24/07/2023	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Em ruột
2.05	Phạm Thanh Tùng	Không	001073021477	06/08/2023	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Chồng
2.06	Phạm Đức Quân	Không	001205001197	20/03/2024	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Con đẻ
2.07	Phạm Huyền Phương Thảo	Không	001310027580	19/03/2024	Cục CS quản lý HC về TTXH	-	0,000%	Con đẻ
2.08	Công ty CP phát triển chăn nuôi Hoà Phát	Không	0900272334	19/06/2007	Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2.09	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Không	2400764194	05/05/2015	Sở KH &ĐT Tỉnh Bắc Giang	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch kiêm Phó Giám đốc
2.10	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Không	1001105092	20/09/2016	Sở KH &ĐT Tỉnh Thái Bình	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch kiêm Phó Giám đốc
2.11	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Không	3801106275	14/08/2015	Sở KH &ĐT Tỉnh Bình Phước	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc
2.12	Công ty TNHH	Không	5400461117	24/03/2015	Sở KH &ĐT	-	0,000%	Công ty mà người

	Chăn nuôi Lạc Thủy				Tỉnh Hòa Bình			nội bộ là Phó Giám đốc
2.13	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Không	5200823426	01/09/2015	Sở KH &ĐT Tỉnh Yên Bái	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Phó Giám đốc
2.14	Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Tân	Không	3801340814	07/01/2026	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc
3	Tạ Tuấn Quang	Thành viên HĐQT độc lập	036061001920	22/12/2021	CCSQL HC về TTXH	100.000	0,035%	Người nội bộ
3.01	Mai Thị Tuy	Không	036132005827	26/05/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Mẹ
3.02	Nguyễn Thị Thoa	Không	036134006108	02/07/2021	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Mẹ vợ
3.03	Tạ Thị Nguyệt	Không	036154004961	09/09/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Chị
3.04	Nguyễn Hồng Khoái	Không	036053003635	31/01/2023	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Anh rể
3.05	Tạ Thị Nga	Không	036157015274	10/07/2021	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Chị
3.06	Tạ Tuấn Hiền	Không	036059004040	06/08/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Anh
3.07	Nguyễn Thị Mai Lan	Không	036164004171	08/07/2024	Bộ CA	-	0,000%	Chị dâu
3.08	Tạ Mai Hương	Không	036165002318	13/03/2025	Bộ CA	-	0,000%	Em
3.09	Nguyễn Văn Đại	Không	036067001831	10/07/2021	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em rể
3.10	Tạ Kim Nhung	Không	036170002479	10/07/2021	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em
3.11	Lê Anh Tuấn	Không	001063011060	22/01/2024	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em rể
3.12	Tạ Phương Lan	Không	036167007228	15/08/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em

3.13	Vũ Đức Thắng	Không	03606200016	15/08/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em rể
3.14	Tạ Thị Hằng	Không	036174010153	25/04/2021	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Em
3.15	Nguyễn Thị Hồng Hải	Không	040164000148	09/11/2024	Bộ CA	-	0,000%	Vợ
3.16	Tạ Tuấn Dương	Không	036089026505	18/11/2021	CCSQL HC về TTXH	150.000	0,053%	Con
3.17	Lê Bá Thái Quỳnh	Không	019197003410	16/04/2024	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Con dâu
3.18	Tạ Tuấn Tường	Không	036097008673	28/03/2023	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Con
3.19	Nguyễn Phương Thanh	Không	001197015929	20/03/2022	CCSQL HC về TTXH	-	0,000%	Con dâu
4	Ngô Lan Anh	Trường BKS	133190000001	25/04/2021	CCSQL HC về TTXH	30.000	0,011%	Người nội bộ
4.01	Trịnh Minh Hải	Không	001087018441	13/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Chồng
4.02	Trịnh Anh Duy	Không	Còn nhỏ	Không	Không	-	0,000%	Con
4.03	Trịnh Thu Thảo	Không	Còn nhỏ	Không	Không	-	0,000%	Con
4.04	Ngô Sỹ Nguyên	Không	001061021185	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Bố
4.05	Đỗ Thị Lan	Không	001162017070	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ đẻ
4.06	Vòng Si Gìn	Không	001160025116	13/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ chồng
4.07	Ngô Thái Ninh	Không	001092032920	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Em trai
4.08	Trần Việt Hà	Không	025194004177	06/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Em dâu
4.09	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Không	0900189284	11/08/2025	Sở tài chính tỉnh Hưng Yên	240.926.782	84,536 %	Công ty mà người nội bộ là Thành viên BKS
5	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban	022192008557	10/07/2021	Cục cảnh sát	70.000	0,025%	Người nội bộ

		Kiểm soát						
5.01	Nguyễn Xuân Bách	Không	0010920 25647	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Chồng
5.02	Nguyễn Văn Luân	Không	0340580 03480	14/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Bố đẻ
5.03	Phạm Thị Hoa	Không	0221670 00151	06/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ ruột
5.04	Nguyễn Xuân Tuấn	Không	0200570 00050	08/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Bố chồng
5.05	Vũ Thị Linh	Không	0011650 11290	29/05/2025	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ chồng
5.06	Nguyễn Ngọc Hiếu	Không	0220940 00320	19/04/2025	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Em ruột
5.07	Trần Thị Chi	Không	0341990 02454	06/01/2025	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Em dâu
5.08	Nguyễn Xuân Cường	Không	0012210 05132	18/08/2024	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Con ruột
6	Vũ Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	0011810 35665	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	30.000	0,011%	Người nội bộ
6.01	Vũ Văn Thịnh	Không	0270470 00158	31/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Bố đẻ
6.02	Ngô Thanh Vượng	Không	0011500 04713	06/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ
6.03	Nguyễn Đức Chính	Không	0010500 08616	14/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Bố chồng
6.04	Vũ Thị Yến	Không	0011510 07600	02/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Mẹ chồng
6.05	Vũ Thắng	Không	0010750 00085	22/05/2025	Bộ Công An	-	0,000%	Anh trai
6.06	Nguyễn Thị Hồng Anh	Không	0221780 05158	27/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Chị dâu
6.07	Nguyễn Thế Phương	Không	0260770 11168	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Chồng
6.08	Nguyễn Hiền Trang	Không	0013060 33015	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	0,000%	Con

6.09	Nguyễn Bảo Linh	Không	Còn nhỏ	Không	Không	-	0,000%	Con
6.10	Nguyễn Hoàng Lâm	Không	Còn nhỏ	Không	Không	-	0,000%	Con
7	Phạm Thị Hồng Vân	Tổng Giám Đốc	0341740 09068	19/04/2021	Cục CSQLH C và Trật tự XH	75,000	0,026%	Người nội bộ
7.01	Hoàng Thị Dung	Không	0341420 00086	02/05/2022	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Mẹ đẻ
7.02	Bùi Văn Huân	Không	0340710 09101	19/04/2021	Cục CSQLH C và Trật tự XH	60.000	0,021%	Chồng
7.03	Bùi Thiên Long	Không	0012020 08194	25/04/2021	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Con
7.04	Bùi Đức Minh	Không	0012070 28988	22/11/2021	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Con
7.05	Phạm Thị Lan	Không	0341650 14065	09/01/2025	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Chị gái
7.06	Phạm Văn Đậu	Không	0340600 07604	01/01/2022	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Anh rể
7.07	Phạm Thanh Xuân	Không	0340690 15738	21/11/2022	Cục CSQLH C và Trật tự XH	65.000	0,023%	Anh trai
7.08	Lê Hoàng Diễm Hương	Không	0541890 09699	04/05/2021	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Chị dâu
7.09	Phạm Văn Trường	Không	0340690 04754	14/06/2022	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Anh trai
7.10	Đỗ Thị Thanh Hà	Không	0381790 05698	14/06/2022	Cục CSQLH C và Trật tự XH	-	0,000%	Chị dâu
7.11	Công ty CP phát triển chăn nuôi Hoà Phát	Không	0900272 334	19/06/2007	Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT

7.12	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Không	0101541037	09/09/2004	Sở KH &ĐT TP Hà Nội	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch HĐQT
7.13	Giám đốc Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Không	0900914366	03/03/2015	Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch kiêm Giám đốc
7.14	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Không	2600962108	22/06/2016	Sở KH &ĐT Tỉnh Phú Thọ	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch
7.15	Giám đốc Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ	Không	2601057082	09/03/2021	Sở KH &ĐT Tỉnh Phú Thọ	-	0,000%	Công ty mà người nội bộ là Chủ tịch kiêm Giám đốc
8	Nguyễn Thị Hồng Thắng	Kế toán trưởng	034187008078	21/04/2021	Cục cảnh sát	50.000	0,018%	Người nội bộ
8.01	Nguyễn Văn Túc	Không	034049001013	13/08/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Bố đẻ
8.02	Vũ Thị Sáng	Không	034156001953	13/08/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ đẻ
8.03	Nguyễn Văn Tới	Không	034079003111	25/08/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Anh trai
8.04	Nguyễn Thị Hà	Không	034184003838	27/11/2024	Bộ công an	-	0,000%	Chị dâu
8.05	Nguyễn Thị Định	Không	034075000358	16/08/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Chị gái
8.06	Phạm Văn Hồng	Không	034073000362	16/08/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Anh rể
8.07	Nguyễn Thành Đạt	Không	001088021761	21/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Chồng
8.08	Nguyễn Văn Mùi	Không	001046004881	09/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Bố chồng
8.09	Nguyễn Thị Hồng	Không	001151004654	21/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ chồng
8.10	Nguyễn Khánh Linh	Không	001313015147	28/07/2024	Bộ công an	-	0,000%	Con đẻ



8.11	Nguyễn Thảo Nguyên	Không	001319013639	14/07/2024	Bộ công an	-	0,000%	Con đẻ
8.12	Nguyễn Thành Phong	Không	001221027962	14/07/2024	Bộ công an	-	0,000%	Con đẻ
9	Bùi Thị Hải Vân	Người phụ trách Kiểm toán nội bộ	034179011403	25/04/2021	Cục cảnh sát	50,000	0,018%	Người nội bộ
9.01	Lê Thị Na	Không	034140002138	03/03/2020	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ
9.02	Hà Văn Ân	Không	034055003433	20/07/2017	Cục cảnh sát	-	0,000%	Bố chồng
9.03	Nguyễn Thị Thủy	Không	035158001150	24/07/2017	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ chồng
9.04	Bùi Thị Hải Lý	Không	034161003197	03/05/2017	Cục cảnh sát	-	0,000%	Chị gái
9.05	Hoàng Xuân Phương	Không	034047001738	23/03/2019	Cục cảnh sát	-	0,000%	Anh rể
9.06	Hà Trung Kiên	Không	034080012334	25/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Chồng
9.07	Hà Minh Phong	Không	034206004306	15/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Con trai
9.08	Hà Minh Vũ	Không	Không	Không	Không	-	0,000%	Con trai
9.09	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Không	0900189284	11/08/2025	Sở tài chính tỉnh Hưng Yên	240,926,782	84,536%	Công ty mà người nội bộ là Trưởng BKS
10	Tào Nguyệt Ánh	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty	001190025527	21/04/2021	Cục cảnh sát	70.251	0,025%	Người nội bộ
10.01	Tào Quang Sinh	Không	038052006013	15/06/2023	Cục cảnh sát	-	0,000%	Bố đẻ
10.02	Nguyễn Thị Kim Oanh	Không	027160001977	07/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Mẹ
10.03	Tào Nhật Ánh	Không	001190025664	21/04/2021	Cục cảnh sát	-	0,000%	Em gái
10.04	Nguyễn Xuân Thông	Không	017089004162	25/12/2022	Cục cảnh sát	-	0,000%	Em rể

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

Không có

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

Ông Nguyễn Việt Thắng

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Bà Phạm Thị Hồng Vân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Ngô Lan Anh

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

2. Cam kết của Công ty

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo.
- Công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

22/12/2022
Y
↓
GH
T
G

IV. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THI HỒNG VÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỜNG BAN KIỂM SOÁT



Law

NGUYỄN THỊ HỒNG THẮNG

NGÔ LAN ANH

